|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**  ~~. .~~ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ~~. .~~ |
| Số: 5230/BC-BKHĐT | *Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2021* |

**BÁO CÁO**

**Tình hình kinh tế - xã hội tháng 7 và 7 tháng năm 2021,**

**một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy**

**phát triển kinh tế- xã hội những tháng còn lại năm 2021**

*(Tài liệu phục vụ họp Chính phủ thường kỳ tháng7 năm 2021)*

~~. .~~

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ chương trình Phiên họp thường kỳ tháng 7 của Chính phủ, trên cơ sở báo cáo của các bộ, ngành trung ương và địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp và xin báo cáo Chính phủ tình hình kinh tế - xã hội tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2021, một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội những tháng còn lại năm 2021 như sau:

**I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 7 VÀ 7 THÁNG NĂM 2021**

Tiếp nối thành công của Đại hội Đảng lần thứ XIII, bầu cử Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, trong tháng 7, Kỳ họp thứ Nhất Quốc hội khóa XV đã thành công tốt đẹp, thông qua nhiều Nghị quyết quan trọng về kế hoạch kinh tế - xã hội, tài chính, ngân sách, đầu tư công 5 năm giai đoạn 2021-2025, đặc biệt là đã bầu và phê chuẩn các chức danh chủ yếu của các cơ quan nhà nước và quyết định về công tác phòng chống dịch Covid-19, trao quyền cho Chính phủ, tạo sự chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành, kịp thời đối phó với tình hình dịch bệnh đang diễn biến phức tạp hiện nay.

Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 đã được Quốc hội thông qua tại kỳ họp với mức độ tín nhiệm cao. Ngay sau khi kết thúc Kỳ họp, Chính phủ đã bắt tay ngay vào công việc với động lực mới, khí thế mới, nhanh chóng, khẩn trương, quyết liệt chỉ đạo, điều hành kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ, trọng tâm là công tác triển khai Nghị quyết của Quốc hội, phòng chống dịch Covid-19, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ sức khỏe và tính mạng của nhân dân, giữ gìn trật tự, an toàn, an ninh xã hội...

Biến chủng mới của dịch Covid-19 gây ra những diễn biến phức tạp tới tình hình kinh tế - xã hội của nước ta với số ca lây nhiễm và tử vong đều tăng mạnh, đặc biệt là ở các điểm nóng về dịch như ở các tỉnh, thành phía Nam. Đất nước đối mặt với thách thức lớn, chưa từng có tiền lệ kể từ khi Đổi mới đến nay. Các cấp, các ngành, các địa phương đã áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội với mức độ mạnh theo tinh thần của Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhằm cắt đứt chuỗi lây nhiễm trong cộng đồng.

Đánh giá chung, đứng trước các khó khăn, thách thức, nền kinh tế Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2021 vẫn đạt được những kết quả quan trọng, đáng khích lệ. Kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì ổn định, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 7 tháng đầu năm tăng 1,64% so với cùng kỳ năm 2020, là mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Thu ngân sách nhà nước được cải thiện so với cùng kỳ năm 2020, đạt 67,9% so với dự toán. Thị trường tiền tệ diễn biến ổn định, lãi suất được duy trì ở mức thấp, chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng được điều chỉnh để phù hợp với diễn biến thực tế của nền kinh tế vĩ mô. Dịch vụ tài chính phát triển tích cực, thanh toán không dùng tiền mặt được đẩy mạnh; Chuyển đổi số được đẩy mạnh. Thương mại điện tử tiếp tục phát triển nhanh, góp phần hỗ trợ sản xuất, kết nối cung-cầu, giảm bớt khó khăn về lưu thông, cung ứng hàng hóa. . Sản xuất nông, lâm nghiệp tăng trưởng tốt trong điều kiện thời tiết diễn biến thuận lợi. Giải ngân vốn FDI tăng so với cùng kỳ.

Chính sách hỗ trợ người lao động được đẩy mạnh. An ninh lương thực cơ bản được giữ vững, nhất là tại các khu vực bị cách ly, phong tỏa, giãn cách xã hội. Cả nước và ngành y tế đẩy nhanh tìm kiếm, kêu gọi tài trợ, đàm phán, ký kết hợp đồng, tiêm chủng vắc-xin phòng Covid-19. Hợp tác quốc tế trong tiếp cận vắc-xin và thúc đẩy chuyển giao công nghệ vắc-xin Covid-19 được tăng cường. An toàn, an ninh, an dân, trật tự xã hội được bảo đảm

Tuy nhiên, dự báo nền kinh tế nước ta còn gặp rất nhiều khó khăn trong những tháng còn lại của năm, có thể gây ảnh hưởng lớn đến việc đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả năm 2021. Dịch bệnh vẫn tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường, có thể tiếp tục phải gia tăng thời gian giãn cách xã hội tại một số địa phương lớn để kiểm soát hoàn toàn. Các ngành dịch vụ tiếp tục là những ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của dịch, trong đó đáng chú ý là bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trong tháng có dấu hiệu giảm. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 7 tăng thấp nhất kể từ đầu năm. Tình hình doanh nghiệp có những diễn biến đáng lo ngại với số doanh nghiệp thành lập mới có xu hướng giảm, trong khi đó số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tăng so với cùng kỳ năm 2020.

Những tháng cuối năm, cân đối ngân sách nhà nước có thể đối mặt với khó khăn, có khả năng bị ảnh hưởng lớn, trong khi phải đáp ứng yêu cầu chi phòng, chống dịch và hỗ trợ người dân, nền kinh tế. Giải ngân vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước chưa đạt yêu cầu đề ra. Thu hút vốn FDI phục hồi chậm. Cán cân thương mại hàng hóa nghiêng về xu hướng nhập siêu. Giá xăng, dầu, gas điều chỉnh tăng nhiều lần cùng với giá thức ăn chăn nuôi tăng cao khi giá sản phẩm đầu ra lại giảm có nguy cơ gây ra áp lực lạm phát cho những tháng cuối năm, đặc biệt khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát và nhu cầu của người dân bắt đầu hồi phục trở lại. Hiện tượng người dân, chủ yếu là lao động nghèo, lao động tự do di chuyển tự phát từ vùng dịch về quê gây không ít khó khăn cho cả nơi đến và nơi đi trong việc thu xếp cách ly tập trung, tổ chức lại cuộc sống, giải pháp hỗ trợ, bảo đảm an ninh, an toàn, trật tự xã hội, thiếu hụt lao động khi các doanh nghiệp quay trở lại hoạt động...

Tình hình kinh tế - xã hội tháng 7 và 7 tháng năm 2021 cụ thể như sau:

**1. Tình hình sản xuất kinh doanh và phát triển các ngành, lĩnh vực tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2021**

**(1) Về tình hình kinh tế vĩ mô**

*Nhìn chung, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo, tiến độ thu ngân sách tích cực. Tuy nhiên, giải ngân vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước đạt thấp. Thu hút đầu tư nước ngoài sụt giảm do vướng mắc chủ yếu về nhập cảnh chuyên gia nước ngoài, thông quan hàng hóa, giấy phép lao động nước ngoài … Thu nội địa giảm ở những địa bàn bị ảnh hưởng nặng nề, ngân sách trung ương có thể phải tăng thêm chi tiêu cho công tác phòng, chống dịch.*

*Cụ thể như sau:*

*a) Về chỉ số giá tiêu dùng*

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2021 tăng 0,62% so với tháng trước, tăng *2*,25% so với tháng 12/2020 và tăng 2,64% so với tháng 7/2020, chủ yếu do giá xăng dầu, giá gas tăng theo diễn biến giá nhiên liệu thế giới; mức chi trả tiền điện bình quân theo lũy tiến tăng do nhu cầu sử dụng trong mùa nắng nóng; giá lương thực, thực phẩm tăng trong thời điểm bắt đầu thực hiện giãn cách xã hội tại một số địa phương do lưu thông hàng hóa bị gián đoạn tạm thời và nhu cầu mua sắm tích trữ nhu yếu phẩm của người dân tăng cao do yếu tố tâm lý, tuy nhiên đây chỉ là hiện tượng mang tính cục bộ và giá cả đã sớm trở lại bình ổn khi nguồn cung nhanh chóng được bổ sung, đảm bảo đủ nhu cầu của người dân. Tính chung 7 tháng năm 2021, CPI tăng 1,64% so với cùng kỳ năm 2020, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016[[1]](#footnote-1); lạm phát cơ bản 7 tháng tăng 0,89%.

*CPI tháng 7/2021* tăng 0,62% (khu vực thành thị tăng 0,65%; khu vực nông thôn tăng 0,6%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 7 nhóm tăng giá so với tháng trước, 3 nhóm giảm giá, riêng nhóm hàng hóa và dịch vụ khác giữ giá ổn định.

Trong 7 nhóm hàng tăng giá, nhóm giao thông có mức tăng so với tháng trước cao nhất với 2,39% (làm CPI chung tăng 0,23 điểm phần trăm) do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng, dầu vào ngày 26/6/2021 và 12/7/2021, trong đó giá xăng E5 tăng 850 đồng/lít so với tháng trước, giá xăng A95 tăng 870 đồng/lít, giá dầu diezen tăng 420 đồng/lít. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,88% so với tháng trước (làm CPI chung tăng 0,17 điểm phần trăm), chủ yếu do các đợt nắng nóng trong tháng làm chỉ số giá điện sinh hoạt tăng 3,38%, bên cạnh đó giá gas tăng 7,77% do giá gas trong nước điều chỉnh tăng 30.000 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới tăng 92,5 USD/tấn (từ mức 527,5 USD/tấn lên mức 620 USD/tấn). Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,67% so với tháng trước (làm CPI chung tăng 0,22 điểm phần trăm) do nhu cầu tích trữ hàng hóa của người dân tại một số địa phương thực hiện giãn cách xã hội tăng đột biến làm giá lương thực, thực ph nhu cầ c nhu cầu tích trữ hàng hóa c. Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,18% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng đồ uống giải khát trong mùa hè tăng cao cùng với giá thuốc lá tăng do nguồn cung giảm. Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,06% chủ yếu do giá xà phòng và các chất tẩy rửa tăng khi nhu cầu tiêu dùng tăng trong mùa dịch. Nhóm giáo dục tăng 0,03% do giá văn phòng phẩm tăng 0,25%. Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,03%, trong đó giá thuốc các loại tăng 0,12%.

Trong 3 nhóm hàng giảm giá,nhóm văn hóa, giải trí và du lịch chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 giảm 0,1% so với tháng trước, chủ yếu do giá du lịch trọn gói giảm 0,05%; giá khách sạn, nhà khách giảm 0,41%; giá cây, hoa cảnh giảm 0,53%. Nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,05% so với tháng trước do giá điện thoại di động giảm 0,12% và phụ kiện điện thoại thông minh, máy tính bảng giảm 1,77%. Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép giảm 0,03% do nhu cầu tiêu dùng giảm khi các địa phương thực hiện giãn cách xã hội phòng chống dịch Covid-19.

CPI bình quân 7 tháng năm 2021 tăng 1,64% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng bình quân 7 tháng thấp nhất kể từ năm 2016. Trong đó, giá xăng, dầu và giá gas tăng là các yếu tố chính đóng góp vào mức tăng CPI, cụ thể: giá xăng dầu tăng 20,37% so với cùng kỳ năm 2020, làm CPI tăng 0,73 điểm phần trăm, giá gas tăng 18,43%, làm CPI tăng 0,27 điểm phần trăm. Ngược lại, giá các mặt hàng thực phẩm và giá điện sinh hoạt giảm đã góp phần kiềm chế mức tăng CPI, trong đó giá thực phẩm giảm 0,44% làm CPI giảm 0,09 điểm phần trăm, giá điện sinh hoạt giảm 1,79% làm CPI giảm 0,06 điểm phần trăm.

*Lạm phát cơ bản* (CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục) tháng 7/2021 giảm 0,06% so với tháng trước, tăng 0,99% so với cùng kỳ năm 2020. Bình quân 7 tháng năm 2021, lạm phát cơ bản tăng 0,89% so với cùng kỳ. Mức tăng lạm phát cơ bản thấp hơn CPI bình quân (1,64%) cho thấy biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, xăng dầu, điện và gas tăng.

*b) Về thị trường tiền tệ, hoạt động ngân hàng và thị trường chứng khoán*

Thị trường tiền tệ, tín dụng và hoạt động ngân hàng diễn biến tương đối ổn định. Tính đến ngày 23/7/2021, huy động vốn tăng 4,13% (huy động VNĐ tăng 4,54%, ngoại tệ tăng 0,15%), tín dụng đối với nền kinh tế tăng 6,66% so với cuối năm 2020 (VND tăng 6,23%, ngoại tệ tăng 4,13%). Tăng trưởng tín dụng đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng, linh hoạt điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho các tổ chức tín dụng để đảm bảo đáp ứng đủ và kịp thời nhu cầu vốn của nền kinh tế, tập trung tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ; kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như bất động sản, chứng khoán; tăng cường quản lý rủi ro đối với cho vay phục vụ nhu cầu đời sống, tín dụng tiêu dùng. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, góp phần hạn chế tín dụng đen.

*- Về lãi suất,* mặt bằng lãi suất huy động và cho vay tiếp tục xu hướng giảm so với cuối năm trước. *Lãi suất tiền gửi bằng VND* phổ biến ở mức 0,1-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,1-3,8%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,0-5,9%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng ở mức 5,6-6,7%/năm. *Lãi suất cho vay* ngắn hạn tối đa bằng VNĐ đối với khách hành có tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh thuộc lĩnh vực ưu tiên ở mức 4,5%/năm.

Lãi suất liên ngân hàng duy trì ổn định ở múc thấp và có xu hướng giảm. Đến ngày 30/7/2021, lãi suất thị trường liên ngân hàng ở mức: kỳ hạn O/N: 0,8-1,2%/năm; 1 tuần: 1,15-1,40%/năm; 2 tuần: 1,0-1,5%/năm; 1 tháng: 1,2-1,9%/năm

*- Về tỷ giá và thị trường ngoại tệ:*Ngày 30/7/2021, tỷ giá trung tâm ở mức 23.180 VND/USD, tăng 0,21% so với cuối năm 2020; tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng ở mức 22.957 VND/USD, giảm 0,58% so với cuối năm 2020; tỷ giá niêm yết mua-bán của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương ở mức 22.850/23.050 VND/USD, giảm 0,80%/0,71% so với cuối năm 2020.

*- Về giá vàng* ở thời điểm ngày 31/7/2021, giá vàng trong nước ở mức 56,72/57,42 triệu đồng/lượng, tăng 500 nghìn đồng/lượng (tương đương 0,9%) so với đầu tháng 7/2021. Giá mua vào vàng miếng SJC trong nước cao hơn giá vàng quốc tế quy đổi (chưa tính phí) ở mức 5,9 triệu đồng/lượng.

*- Về tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19*

Trước tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp với số ca lây nhiễm tăng nhanh, phạm vi lây nhiễm rộng, bên cạnh việc tiếp tục tích cực thực hiện hiệu quả hệ thống giải pháp đã được ban hành, ngành ngân hàng đang triển khai các giải pháp mới nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn kịp thời và thiết thực cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi đại dịch.

Đẩy mạnh việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ tại các tổ chức tín dụng theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 và Thông tư 03/2021/TT-NHNN ngày 02/4/2021. Tính đến ngày 19/07/2021 đã: (i) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ đối với 198.455 khách hàng với dư nợ 308.346 tỷ đồng; (ii) Miễn, giảm, hạ lãi suất vay vốn cho 701.346 khách hàng với dư nợ 1.072.976 tỷ đồng; (iii) Cho vay mới lãi suất thấp hơn so với trước dịch với doanh số lũy kế từ 23/01/2020 đến nay đạt  3.873.380 tỷ đồng cho 509.216 khách hàng. Ngoài ra, Ngân hàng Chính sách xã hội đã thực hiện gia hạn nợ cho 183.194 khách hàng với dư nợ 4.591 tỷ đồng, cho vay mới đối với  3.145.209 ​khách hàng với số tiền 116.142 tỷ đồng. Tổng số tiền lãi các tổ chức tín dụng miễn, giảm cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 đến ngày 19/7/2021 là khoảng 18.886 tỷ đồng[[2]](#footnote-2); (iv) Giảm 50% mức phí giao dịch thanh toán qua hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (tổng mức giảm phí đến cuối tháng 6/2021 đạt khoảng 196 tỷ đồng); chỉ đạo các tổ chức tín dụng, Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (Napas) thực hiện miễn, giảm phí cho khách hàng.

Triển khai Nghị quyết 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ, ngày 9/7/2021, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã tổ chức họp trực tuyến với các tổ chức tín dụng để bàn các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, nền kinh tế trước tác động của đại dịch Covid-19. Tại cuộc họp, các tổ chức tín dụng đã đồng thuận giảm lãi suất cho vay trên tổng dư nợ hiện hữu; đối tượng áp dụng, mức giảm cụ thể cho từng khách hàng do các tổ chức tín dụng quyết định, phù hợp với tình hình thực tế của từng đối tượng, từng khoản vay. Theo đó, 16 ngân hàng thương mại đã đồng loạt giảm lãi suất cho vay áp dụng từ 15/7/2021 đến cuối năm 2021 với tổng số tiền lãi giảm cho khách hàng ước tính trên 20.372 tỷ VNĐ.

Đối với khoản cho vay tháo gỡ khó khăn cho Tổng công ty Hàng không Việt Nam, ngày 07/07/2021, VNA và 03 ngân hàng (Seabank, MSB và SHB) đã ký hợp đồng tín dụng tài trợ tổng số vốn 4.000 tỷ đồng cho VNA. Tính đến cuối tháng 7/2021, các tổ chức tín dụng đã giải ngân 1.470 tỷ đồng cho VNA.

*- Về việc Hoa Kỳ xác định Việt Nam “thao túng tiền tệ”*: Ngày 16/4/2021, Bộ Tài chính Mỹ đã ban hành Báo cáo về “Chính sách kinh tế vĩ mô và ngoại hối của các đối tác thương mại lớn của Mỹ”; trong đó, xác định không có đủ bằng chứng cho rằng Việt Nam thao túng tiền tệ theo quy định của Đạo luật Cạnh tranh và thương mại quốc tế Omnibus năm 1988.

Trên cơ sở kết quả làm việc tích cực giữa ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính Mỹ về chính sách tiền tệ, tỷ giá và tình hình thị trường ngoại tệ của Việt Nam, ngày 23/7, Cơ quan Đại diện Thương mại Mỹ (USTR) đã thông báo sẽ không có hành động trừng phạt thương mại nào đối với Việt Nam (trong khuôn khổ cuộc điều tra theo Mục 301 về các hoạt động tiền tệ của Việt Nam).

*- Về các hoạt động khác,* ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư 10/2021/TT-NHNN tái cấp vốn cho ngân hàng chính sách xã hội theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/07/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Tổng số tiền tái cấp vốn tối đa 7.500 tỷ đồng, lãi suất 0%, thời hạn tái cấp vốn là 364 ngày[[3]](#footnote-3). Tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp cơ cấu lại các TCTD gắn với xử lý nợ xấu. Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt; thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ đột phá vào hoạt động nghiệp vụ để đưa ra các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại, thân thiện, tiện lợi mang lại trải nghiệm và lợi ích thiết thực cho khách hàng.

*- Về thị trường chứng khoán*

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ở nhiều địa phương, ảnh hưởng đến hoạt động của thị trường trong tháng 7. Đến ngày 30/7/2021, chỉ số VN-Index đạt 1.310,05 điểm, giảm 7% so với cuối tháng trước, tăng 18,7% so với cuối năm 2020.

Hiện có 754 cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết trên 2 Sở giao dịch chứng khoán, 903 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM và 3,39 triệu tài khoản đầu tư chứng khoán; quy mô vốn hóa đạt 6.470 nghìn tỷ đồng, tăng 22,2% so với cuối năm 2020; giá trị giao dịch bình quân tháng 7 là 24,4 nghìn tỷ đồng/phiên, giảm 18% so với tháng trước; bình quân 7 tháng đầu năm là 23 nghìn tỷ đồng/phiên, tăng 210,2% so với bình quân năm 2020.

Thị trường trái phiếu có 455 mã trái phiếu niêm yết; quy mô giao dịch bình quân tháng 7 là 9,6 nghìn tỷ đồng, giảm 23,8% so với tháng trước; bình quân 7 tháng đầu năm đạt 11,4 nghìn tỷ đồng/phiên, tăng 10% so với bình quân năm 2020.

Thị trường chứng khoán phái sinh: Khối lượng giao dịch bình quân tháng 7 là 286.061 hợp đồng/phiên, tăng 35% so với tháng trước; bình quân 7 tháng đạt 203.924 hợp đồng/phiên, tăng 30% so với năm trước.

Bên cạnh đó, tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra các công ty chứng khoán, các công ty quản lý quỹ, công ty đại chúng và tổ chức kiểm toán được chấp thuận, nhằm đảm bảo sự phát triển lành mạnh của thị trường. Trong 7 tháng đầu năm, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành 218 quyết định xử phạt, với tổng số tiền xử phạt 7,74 tỷ đồng.

*c) Về thu, chi ngân sách nhà nước*

Về tổng thể, trong 7 tháng đầu năm cân đối ngân sách nhà nước có thặng dư (thu lớn hơn chi), tuy nhiên cân đối ngân sách trung ương có bội chi, cân đối ngân sách địa phương có thặng dư lớn. Cụ thể tình hình thu, chi ngân sách nhà nước như sau:

*Thu ngân sách nhà nước:*

Tổng thu NSNN thực hiện tháng 7/2021 ước đạt 127,6 nghìn tỷ đồng. Luỹ kế thu 7 tháng đầu năm đạt 913 nghìn tỷ đồng, bằng 68% dự toán, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm 2020 (ngân sách trung ương ước đạt 64,5% dự toán; ngân sách địa phương ước đạt 72,2% dự toán). Trong đó:

- Thu nội địa: thực hiện tháng 7/2021 ước đạt 103 nghìn tỷ đồng. Lũy kế thu 7 tháng đầu năm đạt 745,75 nghìn tỷ đồng, bằng 65,8% dự toán, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm 2020 (cùng kỳ năm 2020 đạt 52,2% dự toán, giảm 9,3%).

- Thu từ dầu thô: thực hiện tháng 7/2021 ước đạt 3,3 nghìn tỷ đồng. Lũy kế thu 7 tháng đầu năm đạt 22,2 nghìn tỷ đồng, bằng 95,8% dự toán.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: Thực hiện tháng 7/2021 ước đạt 21,3 nghìn tỷ đồng. Lũy kế thu 7 tháng đầu năm đạt 144,4 nghìn tỷ đồng, bằng 80,9% dự toán, tăng 36,6% so cùng kỳ năm 2020.

*Chi ngân sách nhà nước:*

Tổng chi cân đối ngân sách nhà nước tháng 7/2021 ước đạt 111,9 nghìn tỷ đồng. Lũy kế chi 7 tháng đầu năm ước đạt 810,6 nghìn tỷ đồng, bằng 48% dự toán, trong đó: chi đầu tư phát triển đạt 169,3 nghìn tỷ đồng, bằng 35,5% dự toán Quốc hội quyết định; chi trả nợ lãi đạt 65,2 nghìn tỷ đồng, bằng 59,2% dự toán; chi thường xuyên đạt 572,2 nghìn tỷ đồng, bằng 55,2% dự toán.

Các nhiệm vụ chi ngân sách trong 7 tháng đầu năm được thực hiện theo dự toán và tiến độ triển khai nhiệm vụ chuyên môn của các đơn vị sử dụng ngân sách. Đã ưu tiên bố trí chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19, đảm bảo cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết phục vụ cho công tác bầu cử Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Trong 7 tháng đầu năm, ngân sách Nhà nước đã chi 18,7 nghìn tỷ đồng cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 và hỗ trợ người dân gặp khó khăn, trong đó: (i) 12,4 nghìn tỷ đồng cho công tác phòng, chống dịch Covid từ nguồn dự phòng NSTW và NSĐP; (ii) 5,1 nghìn tỷ đồng từ nguồn tiết kiệm chi và nguồn còn lại năm 2020 của NSTW để mua vắc xin; (iii) 1,2 nghìn tỷ đồng để hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch Covid-19[[4]](#footnote-4).

*d) Về đầu tư phát triển*

*- Vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước* thực hiện 7 tháng đầu năm ước đạt 210,8 nghìn tỷ đồng, bằng 44,3% kế hoạch năm và tăng 5,6% so với cùng kỳ năm 2020 (cùng kỳ bằng 39% và tăng 25,2%).

Ước giải ngân vốn đầu tư nguồn NSNN đến 31/7/2021 là 169.335,05 tỷ đồng, đạt 36,71% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, giảm so với cùng kỳ năm 2020 (40,67%), trong đó vốn trong nước đạt 40,38%, vốn nước ngoài đạt 7,52%. Nếu không tính những khoản vốn chưa được phân bổ, giao kế hoạch và giải ngân theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị quyết số 129/2020/QH14 của Quốc hội về phân bổ NSTW năm 2021 thì tỷ lệ giải ngân đạt 42,48%, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Có 10 bộ và 32 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt trên mức trung bình của cả nước (36,71%), trong đó, một số bộ, địa phương có tỷ lệ giải ngân cao như: Quảng Ninh (90,41%), Thành phố Hải Phòng (88,24%), Bình Phước (79,22%), Thái Bình (71,04%), Ngân hàng Chính sách xã hội (67,27%), Hưng Yên (65,64%), Thanh Hóa (61,59%), Văn phòng Quốc hội (52,96%), Kiểm toán Nhà nước (49,79%),...; trong khi có 06 Bộ, cơ quan trung ương[[5]](#footnote-5) chưa giải ngân kế hoạch vốn và có 03 Bộ, cơ quan trung ương đã giải ngân nhưng tỷ lệ giải ngân dưới 1%[[6]](#footnote-6).

Nguyên nhân giải ngân chậm là do công tác phân bổ, giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn NSNN tại các bộ, cơ quan trung ương và địa phương năm 2021 chậm; đặc biệt là chương trình mục tiêu quốc gia; việc áp dụng chế tài xử lý đối với các cơ quan, đơn vị để chậm, muộn trong phân bổ ngân sách chưa quyết liệt; vướng mắc về đầu tư chậm được xử lý như giải phóng mặt bằng, tái định cư tại một số dự án; một số dự án ODA vẫn đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục gia hạn, hồ sơ thiết kế, thẩm định... đặc biệt, dịch Covid-19 bùng phát mạnh tại hầu hết địa phương đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án.

*Về tình hình phân bổ kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2021,* Tổng số vốn NSNN các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các dự án đủ thủ tục đầu tư, đủ điều kiện giải ngân đến hết tháng 7/2021 là 398.616,466 tỷ đồng[[7]](#footnote-7), đạt 86,4% kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ giao; trong đó vốn trong nước đạt 86,05% kế hoạch, vốn nước ngoài đạt 89,27% kế hoạch.

Số vốn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chưa phân bổ chi tiết cho các dự án còn lại đến nay khá lớn 62.683,534 tỷ đồng, bằng 13,6% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (*nếu tính cả Chương trình mục tiêu quốc gia chưa phân bổ 16.000 tỷ đồng, kế hoạch vốn NSNN năm 2021 chưa phân bổ bằng 16,5% kế hoạch Quốc hội quyết định*). Một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương có tỷ lệ kế hoạch vốn chưa phân bổ khá cao như: Bộ Thông tin và Truyền thông (94,8%), Bộ Nội vụ (86,6%), Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (82,2%), Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc (84,8%)...; các địa phương: Thái Nguyên (47,11%), Hậu Giang (38,8%), Phú Thọ (38,69%),...

*- Vốn đầu tư nước ngoài:*

Tính đến ngày 20/7/2021, tổng vốn đầu tư đăng ký có yếu tố nước ngoài (bao gồm FDI) đạt 16,7 tỷ USD, bằng 88,9% so với cùng kỳ năm 2020, gồm:

*- Đăng ký mới:* 1.006 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký gần 10,13 tỷ USD, giảm 37,9% về số dự án và tăng 7% về số vốn đăng ký;

*- Đăng ký điều chỉnh:* Vốn đầu tư đăng ký mới tiếp tục tăng trong 7 tháng đầu năm 2021, tuy nhiên vốn đầu tư điều chỉnh giảm sau 6 tháng tăng liên tục. 561 dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký tăng thêm đạt 4,54 tỷ USD, giảm 9,4% về số dự án và giảm 3,7% về số vốn đăng ký điều chỉnh;

Số lượng dự án cấp mới, điều chỉnh tiếp tục giảm so với cùng kỳ song mức độ giảm đang được cải thiện dần. Xu hướng suy giảm số dự án này chủ yếu xuất hiện tập trung ở nhóm dự án quy mô nhỏ (dưới 50 triệu USD), trong khi số lượng các dự án quy mô lớn (trên 50 triệu USD) vẫn duy trì tăng mạnh trong 7 tháng năm 2021[[8]](#footnote-8).

*- Góp vốn, mua cổ phần:* 2.403 lượt góp vốn, mua cổ phần với tổng giá trị góp vốn đạt 2,05 tỷ USD, giảm 46,1% số lượt và giảm 55,8% số vốn.

*- Giải ngân vốn FDI* 7 tháng năm 2021 ước đạt 10,5 tỷ USD, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm 2020.

*- Về lĩnh vực thu hút vốn:* Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt trên 7,9 tỷ USD, chiếm 47,2% tổng vốn đầu tư đăng ký. Lĩnh vực sản xuất, phân phối điện đứng thứ 2 với tổng vốn đầu tư 5,49 tỷ USD, chiếm 32,8% tổng vốn đầu tư đăng ký. Tiếp theo lần lượt là các lĩnh vực kinh doanh bất động sản, bán buôn, bán lẻ với tổng vốn đăng ký đạt 1,16 tỷ USD và gần 631 triệu USD.

*- Về đối tác đầu tư:* Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư 5,92 tỷ USD, chiếm gần 35,4% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam, giảm 7,8% so với cùng kỳ năm 2020; Nhật Bản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư 2,54 tỷ USD, chiếm gần 15,2% tổng vốn đầu tư, tăng 58,2% so với cùng kỳ. Hàn Quốc đứng thứ 3 với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 2,2 tỷ USD, chiếm 13,1% tổng vốn đầu tư, giảm 22,2% so với cùng kỳ. Tiếp theo là Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan,…

*- Nguyên nhân giảm số lượng dự án cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần:*

*+ Nguyên nhân khách quan:* Dòng vốn đầu tư nước ngoài toàn cầu suy giảm mạnh, làm ảnh hưởng đến dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Sự cạnh tranh trong thu hút ĐTNN giữa các quốc gia ngày càng gia tăng. Hoạt động M&A toàn cầu giảm sút.

*+ Nguyên nhân chủ quan: (i)*  Chính sách thu hút đầu tư có chọn lọc của Việt Nam (giảm số lượng, tăng về chất lượng) làm loại bỏ các dự án quy mô nhỏ, ít giá trị gia tăng; (ii) Việc hạn chế nhập cảnh và chính sách cách ly dài ngày làm chững lại các đoàn chuyên gia và nhóm phát triển dự án vào Việt Nam khảo sát và làm các thủ tục đầu tư. Ngoài ra, việc phong tỏa nhà máy và hạn chế di chuyển của người lao động trong các KCN làm đình trệ sản xuất, giảm công suất và sản lượng, đứt gãy chuỗi cung ứng, làm ảnh hưởng đến hoạt động của các dự án hiện hữu cũng như tác động đến tâm lý của các nhà đầu tư mới đang có kế hoạch đầu tư vào Việt Nam; (iii) Do đóng cửa nhà máy, thiếu hụt lao động để sản xuất nên nhiều đơn hàng phải chuyển sang các địa bàn khác trong chuỗi cung ứng. Tuy đây chỉ là giải pháp tạm thời, nhưng nếu kéo dài tình trạng này thì có khả năng nhà đầu tư sẽ chuyển sản xuất sang nước khác.

Về đầu tư ra nước ngoài, trong 7 tháng năm 2021, tổng vốn đầu tư Việt Nam ra nước ngoài cấp mới và tăng thêm đạt 570,1 triệu USD *(tăng gần 2,3 lần so với cùng kỳ)*. Trong đó có 28 dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới, với tổng vốn đăng ký đạt 145,3 triệu USD *(bằng 70,4% so với cùng kỳ)* và 11 lượt dự án điều chỉnh vốn đầu tư với tổng vốn tăng thêm là 424,8 triệu USD *(tăng 9,1 lần so với cùng kỳ*[[9]](#footnote-9)*).*

Các nhà đầu tư Việt Nam đã đầu tư ra nước ngoài ở 12 lĩnh vực. Trong đó lĩnh vực hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ dẫn đầu với 3 lượt dự án điều chỉnh vốn, tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng thêm là 270,8 triệu USD, chiếm 47,5% tổng vốn đầu tư. Lĩnh vực bán buôn, bán lẻ đứng thứ 2, với tổng vốn đầu tư 148,6 triệu USD, chiếm 26,1%; tiếp theo là các lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ,...

**(2) Về tình hình sản xuất, kinh doanh**

*Đánh giá chung, sản xuất, kinh doanh của các ngành, lĩnh vực chịu ảnh hưởng lớn bởi dịch bệnh Covid-19. Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế bị tác động mạnh. Nông nghiệp vẫn gặp khó khăn về đầu ra, chủ yếu do khó khăn trong khâu lưu thông, tiêu thụ và hệ thống bán lẻ trong nước. Khu vực dịch vụ giảm mạnh, sức cầu ở các đô thị lớn sụt giảm. Chuỗi cung ứng sản xuất, tiêu dùng bị đình trệ cục bộ, lưu thông hàng hóa gặp khó khăn ở giai đoạn đầu của đợt bùng phát dịch tháng 7 do chưa thống nhất, đồng bộ các biện pháp phòng chống dịch giữa các địa phương; nhiều doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu bị ảnh hưởng phải trì hoãn hoặc hủy đơn hàng, nếu đợt bùng phát kéo dài có thể bị mất thị trường do bạn hàng thay đổi chuỗi cung ứng. Xuất khẩu có xu hướng chững lại, nhập siêu có xu hướng tăng.*

*Cụ thể như sau:*

*a) Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:*

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tháng diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi. Các địa phương trên cả nước tập trung đẩy nhanh tiến độ gieo cấy lúa mùa, chăm sóc lúa hè thu và thu hoạch lúa hè thu sớm, bảo đảm gieo trồng và thu hoạch trong khung thời vụ tốt nhất. Tuy nhiên, ngành chăn nuôi phải đối mặt với khó khăn do giá nguyên vật liệu thức ăn chăn nuôi tăng cao và dịch bệnh trên gia súc diễn biến phức tạp, đồng việc nhiều địa phương áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội do dịch Covid-19 bùng phát cũng gây ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường tiêu thụ sản phẩm chế biến lâm sản, thủy sản xuất khẩu.

*- Về trồng trọt:*

Tính đến ngày 15/7/2021, cả nước gieo cấy được 1.099,6 nghìn ha lúa mùa, bằng 99,4% cùng kỳ năm 2020, trong đó các địa phương phía Bắc gieo cấy 909,2 nghìn ha, bằng 99,7%; các địa phương phía Nam gieo cấy 190,4 nghìn ha, bằng 97,8%. Hiện nay, các địa phương đang khẩn trương hoàn thành công tác gieo cấy lúa mùa, các trà lúa đã cấy phát triển tương đối tốt, diện tích trà lúa sớm đang trong giai đoạn hồi xanh, đẻ nhánh.

Đến trung tuần tháng 7/2021, cả nước gieo cấy được 1.949,6 nghìn ha lúa Hè Thu, bằng 100,7% cùng kỳ năm 2020, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 177,9 nghìn ha, bằng 102,2%; các địa phương phía Nam đạt 1.771,7 nghìn ha, bằng 100,5%, riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.507,9 nghìn ha, bằng 99,1%. Đến nay, phần lớn các trà lúa Hè Thu đang ở giai đoạn làm đòng đến chín, các trà lúa sớm đã cho thu hoạch với diện tích đạt 436,4 nghìn ha, bằng 87,1% cùng kỳ năm 2020, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 427,2 nghìn ha, bằng 86,9%. Tuy nhiên, diện tích thu hoạch lúa Hè Thu chậm hơn so thời điểm cùng kỳ năm 2020, một phần do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhiều địa phương thực hiện giãn cách xã hội nên việc vận chuyển gặp khó khăn, chi phí vận chuyển cao hơn làm cho việc thu mua lúa của thương lái chậm lại, trong khi đó giá lúa có xu hướng giảm nên nông dân chưa tích cực thu hoạch.

Tính đến ngày 15/7/2021, vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã xuống giống được 294,9 nghìn ha lúa Thu Đông, bằng 95,9% cùng kỳ năm 2020. Trong vụ lúa Thu Đông năm nay, ngành nông nghiệp đã chỉ đạo các địa phương ưu tiên sử dụng các giống lúa có tính chống chịu với rầy nâu, vàng lùn và lùn xoắn lá, bệnh cháy lá, cháy bìa lá và giống cứng cây để hạn chế đổ ngã. Hiện nay, lúa Thu Đông đang ở giai đoạn mạ, đẻ nhánh đến làm đòng; sinh trưởng và phát triển tốt.

Đối với các loại rau củ khác, tính đến giữa tháng, các địa phương trên cả nước đã gieo trồng được 738 nghìn ha ngô, bằng 101,8% cùng kỳ năm 2020; 74,8 nghìn ha khoai lang, bằng 92,5%; 147,5 nghìn ha lạc, bằng 95,5%; 23,5 nghìn ha đậu tương, bằng 89,7%; 863,7 nghìn ha rau, đậu, bằng 101,3%.

*- Về chăn nuôi:*

*Tình hình chăn nuôi trâu, bò* gặp khó khăn do dịch viêm da nổi cục vẫn đang diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương. Ước tính tổng số trâu của cả nước tính đến thời điểm cuối tháng 7/2021 giảm 3,3% so với cùng kỳ năm 2020; tổng số bò tăng 2,3%.

*Tình hình chăn nuôi lợn* gặp khó khăn khi giá thức ăn chăn nuôi tăng cao trong khi giá bán lợn hơi giảm, hiện giá thịt lợn hơi đã giảm về mức dưới 60.000 đồng/kg. Ước tính tổng số lợn của cả nước tính đến thời điểm cuối tháng 07/2021 tăng 6,1% so với cùng kỳ năm 2020.

*Tình hình chăn nuôi gia cầm* phát triển ổn định trong tháng, tuy nhiên, tại một số địa phương đã phát hiện chủng vi-rút cúm gia cầm mới A/H5N8 (lần đầu tiên xuất hiện ở Việt Nam). Ước tính tổng số gia cầm của cả nước tính đến thời điểm cuối tháng 07/2021 tăng 4,8% so với cùng thời điểm năm 2020.

Tính đến ngày 20/7/2021, cả nước không còn dịch tai xanh ở lợn; dịch cúm gia cầm còn ở Hà Nội, Quảng Ninh, Thái Bình, Lạng Sơn, Nghệ An, Hà Tĩnh; dịch lở mồm long móng còn ở Thái Nguyên, Nghệ An, Hà Tĩnh; dịch tả lợn châu Phi còn ở 33 địa phương[[10]](#footnote-10) và dịch viêm da nổi cục còn ở 34 địa phương[[11]](#footnote-11) chưa qua 21 ngày.

*- Về lâm nghiệp:*

*Về trồng rừng:* Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 7/2021 ước tính đạt 13,1 nghìn ha, tăng 3,3% so với cùng kỳ năm 2020; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt gần 5,4 triệu cây, giảm 0,6%; sản lượng gỗ khai thác đạt 1.550 nghìn m3, tăng 4,2%; sản lượng củi khai thác đạt gần 1,5 triệu ste, giảm 1,3%.

Nhu cầu nguyên liệu tại các cơ sở chuyên chế biến lâm sản xuất khẩu không cao do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 gây ảnh hưởng bất lợi tới việc tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên, do điều kiện thời tiết thuận lợi nên chất lượng và năng suất gỗ khai thác được nâng cao, tại một số địa phương, người trồng rừng tranh thủ khai thác rừng trồng đến tuổi thu hoạch đã được ký kết theo hợp đồng. Các tỉnh có sản lượng gỗ khai thác cao như Tuyên Quang 96,7 nghìn m3­, tăng 32,6% so với cùng kỳ năm 2020; Nghệ An 129,6 nghìn m3, tăng 7,7%; Quảng Ngãi 189,1 nghìn m3, tăng 8,4%.

Ước tính 7 tháng năm 2021, diện tích rừng trồng mới tập trung cả nước đạt 123,6 nghìn ha, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2020; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 51,9 triệu cây, tăng 1,9%; sản lượng gỗ khai thác đạt 9.495,6 nghìn m3­, tăng 5,5%; sản lượng củi khai thác đạt 11,4 triệu ste, giảm 0,3%.

*Về bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng*: Công tác bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng tiếp tục được các địa phương quan tâm chỉ đạo thực hiện. Tuy nhiên, do nắng nóng gay gắt, hanh khô, hạn hán kéo dài kết hợp với gió Tây Nam khiến nhiệt độ khu vực miền Bắc, miền Trung tăng cao, đồng thời trùng với mùa làm nương rẫy nên khó kiểm soát cháy rừng. Trong tháng 07/2021[[12]](#footnote-12), cả nước có 418,5 ha rừng bị thiệt hại, trong đó diện tích rừng bị cháy là 330,6 ha, tăng 97,3% so với cùng kỳ năm 2020. Một số tỉnh có diện tích rừng bị cháy cao như Thừa Thiên - Huế 307,2 ha, Nghệ An 10,8 ha, Khánh Hòa 3,5 ha, Quảng Ninh 2,2 ha.

Ước tính tháng 7/2021, diện tích rừng bị chặt, phá là 87,9 ha, giảm 5,8% so với cùng kỳ năm 2020. Các tỉnh có diện tích rừng bị chặt, phá cao trong tháng là Phú Yên 28,6 ha, Nghệ An 11,0 ha, Bắc Kạn 6,8 ha, Bắc Giang 5,2 ha. Ước tính 7 tháng năm 2021, cả nước có 1.398,3 ha rừng bị thiệt hại, tăng 42,3% so với cùng kỳ năm 2020, bao gồm diện tích rừng bị cháy là 629,3 ha, tăng 40,5%; diện tích rừng bị chặt, phá là 769 ha, tăng 43,8%.

*- Về thủy sản:* Tổng sản lượng thủy sản tháng ước tính đạt 804,1 nghìn tấn, giảm 0,3% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó cá đạt 552,3 nghìn tấn, giảm 1,6%; tôm đạt 135,8 nghìn tấn, tăng 3,4%; thủy sản khác đạt 116,0 nghìn tấn, tăng 1,5%. Cụ thể:

*Sản lượng thủy sản nuôi trồng* trong tháng ước đạt 448,1 nghìn tấn, giảm 0,3% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó cá đạt 276,6 nghìn tấn, giảm 2,1%; tôm đạt 123,2 nghìn tấn, tăng 3,7%; thủy sản khác đạt 48,3 nghìn tấn, tăng 0,4%. Tình hình xuất khẩu cá tra và tôm trong tháng gặp nhiều khó khăn do dịch Covid-19: vận chuyển nguyên liệu, hàng hóa sản xuất bị ảnh hưởng, nhiều công-ten-nơ hàng thủy sản bị ách tắc tại các chốt kiểm soát, cước vận tải quốc tế tăng đột biến so với những tháng đầu năm. Sản lượng cá tra trong tháng ước tính đạt 117,9 nghìn tấn, giảm 4,3% so với cùng kỳ năm 2020. Giá cá tra nguyên liệu vẫn duy trì ổn định so với các tháng đầu năm nay[[13]](#footnote-13). Giá cá tra giống trên thị trường loại 30 - 35 con/kg dao động ở mức 21.000 - 22.000 đ/kg, thấp hơn nhiều so với mức giá 32.000 đ/kg ở thời điểm trung tuần tháng 3/2021 do người nuôi lo ngại tình hình phức tạp của dịch bệnh, nhu cầu mua cá giống sẽ giảm cho vụ nuôi mới. Tôm thẻ chân trắng đang vào vụ thu hoạch, mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh, bán thâm canh vẫn cho năng suất cao. Ước tính tháng 7/2021, sản lượng tôm thẻ chân trắng đạt 74,8 nghìn tấn, tăng 7,0% so với cùng kỳ năm 2020; tôm sú đạt 42,0 nghìn tấn, tăng 1,2%. Ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến giá tôm nguyên liệu giảm mạnh[[14]](#footnote-14): Các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long gặp khó khăn trong việc cung cấp tôm tới các vùng khác phục vụ cho thị trường trong nước; các chợ đầu mối tại Thành phố Hồ Chí Minh đóng cửa; thương lái hạn chế thu mua do khó vận chuyển; các hộ nuôi tranh thủ bán tôm do tâm lý sợ ảnh hưởng của dịch bệnh.

*Sản lượng thủy sản khai thác* trong tháng ước đạt 356 nghìn tấn, giảm 0,4% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó cá đạt 275,7 nghìn tấn, giảm 1,1%; tôm đạt 12,6 nghìn tấn, tăng 0,8%. Nhiều địa phương có tàu thuyền hoạt động tham gia khai thác thủy sản trong tháng bị hạn chế do thực hiện giãn cách xã hội theo tinh thần Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Sản lượng thủy sản khai thác biển trong tháng ước tính đạt 340,3 nghìn tấn, giảm 0,4% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó cá đạt 265,3 nghìn tấn, tăng 1,0%; tôm đạt 11,7 nghìn tấn, tăng 0,9%.

Tính chung 7 tháng năm 2021, tổng sản lượng thủy sản ước tính đạt 4.900,1 nghìn tấn, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 2.552,9 nghìn tấn, tăng 3,3%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 2.347,2 nghìn tấn, tăng 1,1% (sản lượng thủy sản khai thác biển đạt 2.242,7 nghìn tấn, tăng 1,2%).

*b) Sản xuất công nghiệp*

Đợt bùng phát dịch Covid-19 lần thứ tư với biến chủng Delta diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất công nghiệp trong tháng 7 và 7 tháng năm 2021. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 7/2021 chỉ tăng 1,8% so với tháng trước và tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2020, là mức tăng thấp nhất từ đầu năm (trừ tháng 2 có số ngày làm việc ít nhất)[[15]](#footnote-15). Tính chung 7 tháng năm 2021, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 7,9% so với cùng kỳ năm 2020.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 7/2021 ước tính tăng 1,8% so với tháng trước và tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó ngành khai khoáng giảm 8%; ngành chế biến, chế tạo tăng 2,9%; sản xuất và phân phối điện tăng 6,7%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,4%.

Tính chung 7 tháng năm 2021, IIP ước tính tăng 7,9% so với cùng kỳ năm 2020, cao hơn nhiều so với mức tăng 2,6% của cùng kỳ năm 2020 và thấp hơn mức tăng 9,4% của cùng kỳ năm 2019. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,9% (cùng kỳ năm 2020 tăng 4,2%), đóng góp 8,1 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 8,2%, đóng góp 0,7 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,6%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 6,3%, làm giảm 1 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

*Chỉ số sản xuất 7 tháng năm 2021 của một số ngành trọng điểm* thuộc ngành công nghiệp cấp II tăng cao so với cùng kỳ năm 2020: Sản xuất kim loại tăng 34,7%; sản xuất xe có động cơ tăng 30,6%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 14,2%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 13,3%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 13%. Trong khi đó, một số ngành có chỉ số sản xuất giảm: Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 10,4%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 8,6%; khai thác than cứng và than non giảm 2,9%; in, sao chép bản ghi các loại giảm 1,7%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị giảm 1,1%; thoát nước và xử lý nước thải giảm 0,3%.

Trong số 19 địa phương ở phía Nam thực hiện giãn cách xã hội theo tinh thần Chỉ thị số 16/CT-TTg để phòng chống dịch Covid-19, 7 địa phương có chỉ số IIP tháng 07/2021 giảm so với cùng kỳ năm 2021 và 12 địa phương tăng. Cụ thể, Thành phố Hồ Chí Minh giảm 19,4%; Long An giảm 14,6%; Cà Mau giảm 13,7%; Đồng Tháp giảm 5,7%; Trà Vinh giảm 5,3%; Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 1,9%; Bến Tre giảm 0,2%. Một số địa phương có chỉ số IIP[[16]](#footnote-16) tăng do một số Khu công nghiệp đảm bảo yêu cầu phòng chống dịch bệnh với phương án 3 tại chỗ nên được phép hoạt động để tiếp tục thực hiện các đơn hàng sản xuất đã ký kết hợp đồng trước đó: (1) Bạc Liêu tăng 13,7% do sản xuất điện tăng 137,6% (bổ sung Nhà máy điện gió Đông Hải 1 hòa lưới điện tháng 2/2021, Nhà máy điện gió Công Lý, Nhà máy điện gió Hòa Bình hòa lưới điện tháng 3/2021); (2) Bình Phước tăng 12,2% do sản xuất, chế biến thực phẩm tăng 29,5%; (3) Hậu Giang tăng 10,1% do sản xuất chế biến thực phẩm tăng 3,3%; sản xuất da và các sản phẩm liên quan tăng 27,2%; sản xuất đồ uống tăng 76,4%; (4) Kiên Giang tăng 8,8% do sản xuất khoáng phi kim loại khác tăng 6,5%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 69,5%; sản xuất điện tăng 14%; (5) Cần Thơ tăng 8,1% do sản xuất chế biến thực phẩm tăng 20,2%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 42,7%; sản xuất thuốc lá tăng 3,9%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 30,6%; sản xuất mô tô, xe máy tăng 52%; (6) Sóc Trăng tăng 7,6% do sản xuất chế biến thực phẩm tăng 3,6%; sản xuất đồ uống tăng 67,4%; (7) An Giang tăng 6% do ngành dệt tăng 20,2%; sản xuất trang phục tăng 0,9%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 10,1%; sản xuất khoáng phi kim loại khác tăng 14,6%.

Tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang cơ bản đã khống chế, kiểm soát được dịch bệnh, hoạt động sản xuất trong các khu công nghiệp dần hồi phục. Tốc độ tăng của chỉ số IIP các tháng 5, 6, 7 so với cùng kỳ năm 2020 của hai tỉnh lần lượt là: Bắc Giang tháng 5 giảm 26,7%; tháng 6 giảm 49,8% và tháng 7 giảm 15,3%; Bắc Ninh tăng 23,9%; giảm 8,6% và tăng 1,1%.

Thành phố Hà Nội có chỉ số IIP tháng 7/2021 tăng 7,8% so với cùng kỳ năm 2020 do mới thực hiện giãn cách xã hội từ ngày 24/7/2021.

*Chỉ số sản xuất 7 tháng năm 2021*[[17]](#footnote-17) *của một số địa phương mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 nhưng vẫn tăng so với cùng kỳ năm 2020[[18]](#footnote-18)* như: (1) Bình Dương tăng 7,4% do ngành sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 21,4%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 8,3%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 19,2%; (2) Cần Thơ tăng 7,2% do ngành sản xuất chế biến thực phẩm tăng 7%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 82,8%; sản xuất thuốc lá tăng 17,7%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 20,3%; (3) Đồng Nai tăng 7,1% do ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 11,2%; dệt tăng 8,5%; sản xuất thiết bị điện tăng 8,5%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 12,7%; (4) Tiền Giang tăng 3,1% do ngành sản xuất trang phục tăng 47,7%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 15%; sản xuất thiết bị điện tăng 35,2%; (5) Long An tăng 3% do ngành sản xuất chế biến thực phẩm tăng 4,8%; sản xuất kim loại tăng 5%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 7,3%; sản xuất thiết bị điện tăng 12,5%; sản xuất trang phục tăng 7,7%; (6) Thành phố Hồ Chí Minh tăng 2,3% do ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 5,7%; dệt tăng 4,9%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 7,3%; sản xuất thiết bị điện tăng 20,7%; (7) Đồng Tháp tăng 2,1% do ngành sản xuất chế biến thực phẩm tăng 2,2%; sản xuất trang phục tăng 32,8%...

*Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp* tại thời điểm 01/7/2021 không thay đổi so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 0,4% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 0,2% và giảm 2,7%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước giảm 0,4% và giảm 0,8%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cùng tăng 0,2% so với cả hai thời điểm. Theo ngành hoạt động, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng tăng 0,1% so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 0,4% so với cùng thời điểm năm trước; ngành chế biến, chế tạo không đổi và giảm 0,4%; ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí giảm 0,1% và giảm 0,2%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 0,2% và giảm 1,3%.

Tình hình sản xuất một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong 7 tháng năm 2021 như sau:

*- Ngành dầu khí:* Sản lượng sản xuất một số sản phẩm chủ yếu 7 tháng năm 2021 giảm so với cùng kỳ năm 2020 như khai thác dầu thô đạt 6,45 triệu tấn, giảm 6% (khai thác dầu trong nước đạt 5,36 triệu tấn, giảm 7%, ở nước ngoài đạt 1,09 triệu tấn, giảm 1%), khai thác khí đốt thiên nhiên đạt 4,9 tỷ m3, giảm 13%, sản xuất phân đạm đạt 942,4 nghìn tấn, giảm 11%, xăng dầu các loại đạt 3.889 nghìn tấn, giảm 1% ; riêng sản xuất LPG đạt 522,2 nghìn tấn, tăng 5%, sản xuất polypropylene đạt 107,4 nghìn tấn, tăng 3%.

*- Ngành điện:* Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 216.334 tỷ đồng, tăng 8,15% so với cùng kỳ năm 2020. Điện sản xuất và mua ước đạt 147.011 triệu kWh, tăng 7,05%. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, cơ cấu tiêu thụ điện 7 tháng có nhiều sự thay đổi so với 6 tháng đầu năm 2021, khu vực tiêu dùng dân cư tăng nhanh do người dân phải thực hiện giãn cách tại nhà, khu vực khách sạn, nhà hàng quay lại đà giảm. Cụ thể: điện thương phẩm trong 7 tháng ước đạt 132.639 triệu kWh, tăng 8,15% so cùng kỳ, trong đó: điện cấp cho nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ lệ 3,6%, điện cấp cho công nghiệp xây dựng chiếm tỷ lệ 55%; tiêu dùng dân cư chiếm tỷ lệ 33,1%; thương nghiệp và khách sạn chiếm tỷ lệ 3,9%.

*Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 7 tháng năm 2021 tăng so cao với cùng kỳ năm 2020*: Thép cán tăng 55,9%; linh kiện điện thoại tăng 40%; ô tô tăng 39,6%; giày, dép da tăng 19,3%; sắt, thép thô tăng 16,2%; phân hỗn hợp NPK tăng 15,4%; điện thoại di động tăng 14,1%; sữa bột tăng 14%; vải dệt từ sợi nhân tạo và sợi tự nhiên cùng tăng 10,6%; thức ăn cho gia súc tăng 10%; quần áo mặc thường tăng 9,5%. Một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ năm 2020: Khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 13,4%; tivi các loại giảm 10,3%; đường kính giảm 9,5%; phân u rê giảm 7,4%; dầu mỏ thô khai thác giảm 6,8%; bột ngọt giảm 5,1%; than sạch giảm 2,8%.

*c) Khu vực dịch vụ*

Dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên cả nước làm ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động thương mại, dịch vụ khi nhiều địa phương, đặc biệt là các tỉnh, thành phố phía Nam thực hiện giãn cách xã hội theo tinh thần Chỉ thị số 16/CT-TTg. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng giảm 8,3% so với tháng trước và giảm 19,8% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 7 tháng năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng nhẹ 0,7% (cùng kỳ năm 2020 giảm 0,5%).

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng ước tính đạt 339,4 nghìn tỷ đồng, giảm 8,3% so với tháng trước và giảm 19,8% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 291,8 nghìn tỷ đồng, giảm 5,5% và giảm 11,4%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 21,2 nghìn tỷ đồng, giảm 22,4% và giảm 53,8%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 133 tỷ đồng, giảm 4,8% và giảm 92,6%; doanh thu dịch vụ khác đạt 26,3 nghìn tỷ đồng, giảm 22,4% và giảm 43%.

Tính chung 7 tháng năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 2.791,3 nghìn tỷ đồng, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm 2020, nếu loại trừ yếu tố giá giảm 0,74% (cùng kỳ năm 2020 giảm 5,20%).

Xét theo ngành hoạt động:

*- Doanh thu bán lẻ hàng hóa* 7 tháng năm 2021 ước tính đạt 2.269,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 81,3% tổng mức và tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, lương thực, thực phẩm tăng 6,2%; phương tiện đi lại tăng 2,7%; may mặc tăng 0,5%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình giảm 2,8%; vật phẩm văn hoá, giáo dục giảm 2,9%. Tốc độ tăng doanh thu bán lẻ hàng hóa 7 tháng năm 2021 của một số địa phương so với cùng kỳ năm 2020 như sau: Hải Phòng tăng 7,5%; Đà Nẵng tăng 5,3%; Hà Nội tăng 3,4%; Cần Thơ tăng 2,3%; Quảng Ninh tăng 1,2%; Thành phố Hồ Chí Minh giảm 5,8%; Bắc Ninh giảm 0,5%.

*- Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống* 7 tháng năm 2021 ước tính đạt 243,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 8,7% tổng mức và giảm 11,8% so với cùng kỳ năm 2020 (cùng kỳ năm 2020 giảm 18,9%). Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 của một số địa phương như sau: Nghệ An giảm 17,1%; Hải Dương giảm 15,6%; Đà Nẵng giảm 13,8%; Hà Nội giảm 9,6%; Thành phố Hồ Chí Minh giảm 5,2%; Bình Dương tăng 0,2%; Đồng Nai tăng 2,5%.

*- Doanh thu du lịch lữ hành* 7 tháng năm 2021 ước tính đạt 4,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,2% tổng mức và giảm 58,8% so với cùng kỳ năm 2020. Một số địa phương có doanh thu du lịch lữ hành 7 tháng năm 2021 giảm nhiều so với cùng kỳ năm 2020: Thành phố Hồ Chí Minh giảm 49,8%; Hải Phòng giảm 47,1%; Hà Nội giảm 43,5%; Đà Nẵng giảm 41,9%; Cần Thơ giảm 26,6%; Quảng Ninh giảm 24,6%.

*- Doanh thu dịch vụ khác* 7 tháng đầu năm nay ước tính đạt 273,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,8% tổng mức và giảm 4,2% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó doanh thu của Khánh Hòa giảm 11,2%; Bình Dương giảm 11,1%; Thành phố Hồ Chí Minh giảm 9,7%; Bình Định giảm 5,7%; Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 4,9%; Hà Nội giảm 1,1%; Thừa Thiên - Huế tăng 1,1%; Đà Nẵng tăng 1,2%; Hải Phòng tăng 2,1%; Nghệ An tăng 2,9%.

*Về du lịch,* khách du lịch nội địa trong tháng đạt khoảng 500 nghìn lượt, trong đó có gần 300 nghìn lượt khách nghỉ đêm tại cơ sở lưu trú du lịch, tính chung 7 tháng đạt 31 triệu lượt, trong đó có 16,1 triệu lượt khách nghỉ đêm tại cơ sở lưu trú du lịch.

Trong tháng, đã trình Chính phủ Đề án thí điểm đón khách quốc tế ở Phú Quốc, Kiên Giang; dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành; dự thảo Nghị định mô hình quản lý khu du lịch quốc gia.

*d) Xuất, nhập khẩu hàng hóa*

Trong tháng, diễn biến dịch Covid-19 ngày càng phức tạp khiến nhiều địa phương trên cả nước phải thực hiện giãn cách, đã có tác động tiêu cực đến hoạt động xuất nhập khẩu. Tốc độ tăng kim ngạch xuất, nhập khẩu 7 tháng năm 2021 đã giảm đáng kể so với tốc độ tăng 6 tháng đầu năm. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 7/2021 ước tính đạt *55,7* tỷ USD, *tăng 1,5%* so với tháng trước. Tính chung 7 tháng năm 2021, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước tính vẫn đạt ở mức cao, đạt *373,36* tỷ USD, tăng *30,2%* so với cùng kỳ năm 2020. Cán cân thương mại 7 tháng năm 2021 ước tính nhập siêu *2,7* tỷ USD.

***Xuất khẩu hàng hóa***

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa thực hiện tháng 6/2021 đạt 27,2 tỷ USD, cao hơn 704 triệu USD so với số ước tính.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 7/2021 ước tính đạt 27 tỷ USD, giảm 0,8% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 7,49 tỷ USD, giảm 3,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 19,51 tỷ USD, tăng 0,2%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Bảy tăng 8,4%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 2,2%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 11%.

Tính chung 7 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 185,33 tỷ USD, tăng 25,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 48,52 tỷ USD, tăng 14,6%, chiếm 26,2% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 136,81 tỷ USD, tăng 29,9%, chiếm 73,8%.

Trong 7 tháng năm 2021 có 27 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 90,2% tổng kim ngạch xuất khẩu (5 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 57,8%), trong đó điện thoại và linh kiện có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất, đạt 29,4 tỷ USD, chiếm 15,8% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm trước; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 27,4 tỷ USD, tăng 16,5%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 19,7 tỷ USD, tăng 55,4%; hàng dệt may đạt 18,6 tỷ USD, tăng 14,1%; giày dép đạt 12,1 tỷ USD, tăng 27,7%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 9,5 tỷ USD, tăng 53,7%; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 6,5 tỷ USD, tăng 48,5%. Kim ngạch xuất khẩu 7 tháng của một số mặt hàng nông, thủy sản tăng so với cùng kỳ năm trước: Thủy sản đạt 4,9 tỷ USD, tăng 12%; rau quả đạt 2,3 tỷ USD, tăng 15%; hạt điều đạt 2 tỷ USD, tăng 14% (lượng tăng 21,4%); cao su đạt 1,5 tỷ USD, tăng 73,6% (lượng tăng 33,6%); sắn và các sản phẩm từ sắn đạt 677 triệu USD, tăng 24,1% (lượng tăng 10,3%); hạt tiêu đạt 599 triệu USD, tăng 49,8% (mặc dù lượng giảm 1,3% nhưng giá trị xuất khẩu vẫn tăng do giá xuất khẩu tăng). Riêng mặt hàng gạo đạt 1,9 tỷ USD, giảm 0,6% (lượng giảm 10,6%); cà phê đạt 1,8 tỷ USD, giảm 1,7% (lượng giảm 9,3%); chè đạt 113 triệu USD, giảm 0,3% (lượng giảm 4,5%).

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 7 tháng, nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản ước tính đạt 1,87 tỷ USD, tăng 1,4% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 1% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu (giảm 0,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước). Nhóm hàng công nghiệp chế biến ước tính đạt 164,89 tỷ USD, tăng 27,1% và chiếm 89% (tăng 1,1 điểm phần trăm). Nhóm hàng nông sản, lâm sản đạt 13,65 tỷ USD, tăng 16,7% và chiếm 7,4% (giảm 0,5 điểm phần trăm). Nhóm hàng thủy sản đạt 4,92 tỷ USD, tăng 12% và chiếm 2,7% (giảm 0,3 điểm phần trăm).

Về thị trường xuất khẩu hàng hóa 7 tháng năm 2021, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 53,6 tỷ USD, tăng 37,4% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp đến là Trung Quốc đạt 28,7 tỷ USD, tăng 24,2%. Thị trường EU đạt 22,5 tỷ USD, tăng 15,5%. Thị trường ASEAN đạt 16,1 tỷ USD, tăng 25,9%. Hàn Quốc đạt 12 tỷ USD, tăng 10,3%. Nhật Bản đạt 11,7 tỷ USD, tăng 8,3%.

***Nhập khẩu hàng hóa***

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa thực hiện tháng 6/2021 đạt 27,66 tỷ USD, cao hơn 159 triệu USD so với số ước tính.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 7/2021 ước tính đạt 28,7 tỷ USD, tăng 3,8% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 10,3 tỷ USD, tăng 3,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 18,4 tỷ USD, tăng 4%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Bảy tăng 29,9%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 26,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 32,1%.

Tính chung 7 tháng năm 2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 188,03 tỷ USD, tăng 35,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 66,31 tỷ USD, tăng 29,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 121,72 tỷ USD, tăng 38,5%.

Trong 7 tháng năm 2021 có 31 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 87,5% tổng kim ngạch nhập khẩu, trong đó: Điện tử, máy tính và linh kiện đạt 39,4 tỷ USD (chiếm 20,9% tổng kim ngạch nhập khẩu), tăng 20,3% so với cùng kỳ năm trước; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 27,1 tỷ USD, tăng 36,8%; điện thoại và linh kiện đạt 10,6 tỷ USD, tăng 48,5%; vải đạt 8,7 tỷ USD, tăng 32,9%; chất dẻo đạt 7,1 tỷ USD, tăng 54,3%; sắt thép đạt 6,8 tỷ USD, tăng 41,7%; ô tô đạt 5,3 tỷ USD, tăng 76,7%.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 7 tháng năm 2021, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước tính đạt 176,36 tỷ USD, tăng 35,8% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 93,8% tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu (tăng 0,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước), trong đó: nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 84,35 tỷ USD, tăng 30% và chiếm 44,9% (giảm 1,8 điểm phần trăm); nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu đạt 92,01 tỷ USD, tăng 41,5% và chiếm 48,9% (tăng 2,1 điểm phần trăm). Nhóm hàng tiêu dùng ước tính đạt 11,67 tỷ USD, tăng 28,5% và chiếm 6,2% (giảm 0,3 điểm phần trăm).

Về thị trường nhập khẩu hàng hóa 7 tháng năm 2021, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 62,3 tỷ USD, tăng 48,5% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp theo là thị trường Hàn Quốc đạt 29,7 tỷ USD, tăng 19,9%. Thị trường ASEAN đạt 24,7 tỷ USD, tăng 48,2%. Nhật Bản đạt 12,6 tỷ USD, tăng 13,8%. Thị trường EU đạt 9,7 tỷ USD, tăng 19,6%. Hoa Kỳ đạt 8,9 tỷ USD, tăng 10,4%.

*Cán cân thương mại hàng hóa* thực hiện tháng 6/2021 nhập siêu 455 triệu USD[[19]](#footnote-19); 6 tháng đầu năm 2021 nhập siêu 1 tỷ USD; tháng 07/2021 ước tính nhập siêu 1,7 tỷ USD. Tính chung 7 tháng năm 2021, cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 2,7 tỷ USD[[20]](#footnote-20) (cùng kỳ năm trước xuất siêu 8,69 tỷ USD), trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 17,8 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 15,1 tỷ USD.

*đ)* *Về tình hình đăng ký doanh nghiệp*

Đợt bùng phát dịch Covid-19 lần thứ 4 kéo dài cùng với việc nhiều địa phương trên toàn quốc bao gồm cả thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh áp dụng các biện pháp cách ly xã hội theo tinh thần Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã tạo ra nhiều thách thức đối với tình hình sản xuất kinh doanh và phát triển của các doanh nghiệp.

Diễn biến phức tạp của dịch bệnh dẫn tới các biện pháp kiểm soát dịch thay đổi linh hoạt để đáp ứng tình hình, các doanh nghiệp bị động trong việc thu xếp các phương án tổ chức hoạt động, sức chịu đựng của nhiều doanh nghiệp giảm mạnh khi dịch bệnh kéo dài, bênh cạnh đó là khó khăn về dòng tiền cho duy trì sản xuất, giữ chân người lao động, khoản nợ phải trả, các khoản thuế, phí phải nộp, phải đóng... do doanh thu giảm sút, chi phí đầu vào sản xuất tăng cao.

*- Về số doanh nghiệp thành lập mới:* Trong tháng 7/2021 số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và số vốn đăng ký đều sụt giảm đáng kể so với cùng kỳ năm 2020, cụ thể ghi nhận 8.740 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 122.765 tỷ đồng, giảm 33,8% về số doanh nghiệp và 48,7% về vốn so với cùng kỳ năm 2020.

Tính chung 7 tháng đầu năm ghi nhận 75.823 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 1.065.413 tỷ đồng, tăng 0,8% về số doanh nghiệp và tăng 13,8% về vốn so với cùng kỳ năm 2020. Có 27.592 doanh nghiệp đang hoạt động đăng ký tăng vốn trong 7 tháng năm 2021 với số vốn đăng ký tăng là 1.366.708 tỷ đồng, tăng 31,7% về số doanh nghiệp đăng ký và tăng 18% về số vốn đăng ký tăng so với cùng kỳ năm 2020. Vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp trong 7 tháng năm 2021 đạt 14,1 tỷ đồng, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm 2020.

Các lĩnh vực có mức đăng ký thành lập mới tăng mạnh là: Kinh doanh bất động sản (tăng 33,8%); Vận tải kho bãi (tăng 15,6%); Thông tin và truyền thông (tăng 12,5%).

Các ngành có số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới chiếm tỷ lệ lớn nhất, gồm: Bán buôn; bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy có 25.383 doanh nghiệp (chiếm 33,5%); Công nghiệp chế biến, chế tạo có 9.823 doanh nghiệp (chiếm 13,0%); Xây dựng có 9.496 doanh nghiệp (chiếm 12,5%).

*- Về số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động:* Trong tháng 7/2021 ghi nhận có 4.947 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong 7 tháng năm 2021 ghi nhận 29.602 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm 2020. Các lĩnh vực có số lượng doanh nghiệp quay trở lại hoạt động nhiều nhất trong tháng 7 đầu năm 2021 là: Bán buôn; bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy (10.365 doanh nghiệp, chiếm 35%); Xây dựng (4.415 doanh nghiệp, chiếm 14,9%); Công nghiệp chế biến, chế tạo (3.656 doanh nghiệp, chiếm 12,4%).

*- Về số doanh nghiệp đăng ký tạm dừng kinh doanh:* Trong tháng 7/2021 ghi nhận có 4.527 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tăng 34,3% so với cùng kỳ năm 2020. Trong 7 tháng năm 2021 ghi nhận 40.251 doanh nghiệp đăng ký tạm dừng kinh doanh, tăng 23% so với cùng kỳ năm 2020. Xu hướng thanh lọc mạnh mẽ tiếp tục diễn ra ở các ngành nghề, phản ánh thông qua việc những lĩnh vực có số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh lớn nhất cũng là những ngành nghề có số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động cao nhất.

Doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh chủ yếu thuộc các lĩnh vực: Bán buôn; bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy (15.180 doanh nghiệp, chiếm 37,7%); Xây dựng (5.491 doanh nghiệp, chiếm 13,6%) và Công nghiệp chế biến, chế tạo (4.717 doanh nghiệp, chiếm 11,7%). Doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh tập trung chủ yếu ở quy mô vốn nhỏ, từ 0 – 10 tỷ đồng với 36.436 doanh nghiệp (chiếm 90,5%, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm 2020), thời gian hoạt động ngắn từ 0-5 năm với 21.129 doanh nghiệp (chiếm 52,5%).

*- Về số doanh nghiệp chờ làm thủ tục giải thể:* Trong tháng 7/2021 ghi nhận 3.932 doanh nghiệp chờ làm thủ tục giải thể, tăng 28,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong 7 tháng năm 2021 ghi nhận 28.038 doanh nghiệp chờ làm thủ tục giải thể, tăng 28,6% so với cùng kỳ năm 2020 và tăng ở hầu hết các lĩnh vực. Các ngành kinh doanh có số lượng doanh nghiệp chờ giải thể lớn nhất là: Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy (10.170 doanh nghiệp, chiếm 36,3%); Xây dựng (3.387 doanh nghiệp, chiếm 12,1%); Công nghiệp chế biến, chế tạo (3.328 doanh nghiệp, chiếm 11,9%). Doanh nghiệp chờ làm thủ tục giải thể tăng ở 5/5 quy mô vốn, tập trung chủ yếu ở quy mô vốn từ 0 – 10 tỷ đồng với 25.209 doanh nghiệp (chiếm 89,9%, tăng 28,7% so với cùng kỳ năm 2020).

*- Về số doanh nghiệp đã giải thể, chấm dứt tồn tại:* Trong tháng 7/2021 ghi nhận 1.442 doanh nghiệp đã giải thể, chấm dứt tồn tại, giảm 4,1% so với cùng kỳ năm 2020. Trong 7 tháng năm 2021 ghi nhận 11.384 doanh nghiệp giải thể, chấm dứt tồn tại, tăng 27,4% so với cùng kỳ năm 2020, chủ yếu là các doanh nghiệp có quy mô vốn nhỏ từ 0 – 10 tỷ đồng với 10.105 doanh nghiệp (chiếm 88,8%) và thời gian hoạt động ngắn từ 0 – 5 năm với 7.343 doanh nghiệp (chiếm 64,5%).

Trên cơ sở tổng hợp phản ánh, đánh giá của các doanh nghiệp, hiện có 08 nhóm khó khăn chính như sau:

(i) Đơn hàng/hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ của các tất cả các doanh nghiệp đều giảm, doanh thu giảm mạnh; đặc biệt trong các lĩnh vực du lịch, dệt may, vận tải, hàng không,... Doanh nghiệp rất khó khăn trong việc thu xếp dòng tiền để trả lương, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn.

(ii) Giá thành sản xuất hàng hóa tăng do chi phí đầu vào, chi phí vận chuyển hàng hóa tăng trong khi giá bán giảm. Giá nguyên vật liệu sản xuất, giá thép tăng cao; tình trạng thiếu nghiêm trọng container rỗng, giá thuê container tăng 5-10 lần, chi phí vận chuyển logistics tăng từ 2-4 lần, có thời điểm lên đến 5 lần so với trước khi có dịch[[21]](#footnote-21). Trong ngành cơ khí chế tạo, ô tô việc tăng cước vận chuyển cùng với việc kéo dài thời gian làm thủ tục nhận hàng đã kéo giá cả vật tư thiết bị tăng 30% so với thời gian trước, đồng thời làm chậm tiến độ dự án. Đối với mặt hàng nông sản, sản phẩm tươi sống chưa qua chế biến đặc biệt đối với mặt hàng nông sản cao cấp cần vận chuyển hàng không, chi phí vận chuyển tăng mạnh khiến cho doanh nghiệp không thể xuất hàng, tạm thời phải đóng cửa[[22]](#footnote-22).

(iii) Khó khăn trong việc vay, trả tiền vay ngân hàng cả gốc và lãi. Do thiếu hụt dòng tiền nên hầu hết các doanh nghiệp rất khó khăn trong việc trả lãi vay đúng hạn, dẫn đến tình trạng nợ xấu, khó có thể vay khoản vay mới.

(iv) Khó khăn trả tiền thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng thiết bị. Trong khi doanh thu bị sụt giảm, thậm chí đóng cửa, tạm ngừng sản xuất kinh doanh do phải thực hiện các chính sách giãn cách xã hội, các doanh nghiệp vẫn phải chi trả tiền thuê mặt bằng, cửa hàng, nhà xưởng đặc biệt là các doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ không thể trực tiếp thuê đất từ nhà nước, hay thuê mặt bằng tại các khu, cụm công nghiệp (diện tích cho thuê lớn hơn so với nhu cầu) mà phải thuê từ khu vực tư nhân trong khi chưa có chính sách hỗ trợ nào từ Nhà nước.

(v) Lưu thông hàng hóa khó khăn, kể cả lưu thông trong nước, giữa các tỉnh, thành phố do có sự kiểm soát không thống nhất giữa các tỉnh thành trên phạm vi cả nước. Hậu quả là các doanh nghiệp bị chậm tiến độ giao hàng/nhập hàng, chi phí lưu kho, lưu bãi tăng, cước vận chuyển tăng, ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh.

(vi) Khó khăn về tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, đặc biệt việc tiếp cận nguồn vốn ưu đãi. Các điều kiện để doanh nghiệp có thể tiếp cận được gói vay ưu đãi chưa phù hợp với thực tế, ví dụ: doanh nghiệp phải có 50% lao động mất việc làm, không có doanh thu. Theo phản ánh của Hiệp hội Dệt may Việt Nam, nếu doanh nghiệp đóng cửa, cho công nhân nghỉ việc thì ngay cả khi hết dịch bệnh, doanh nghiệp không thể tuyển được lao động để phục hồi sản xuất, do đó doanh nghiệp phải tìm mọi giải pháp để giữ người lao động.

**(3) Về một số lĩnh vực xã hội**

*Đánh giá chung, các lĩnh vực xã hội được quan tâm, nhất là trong bối cảnh tác động bởi dịch bệnh; huy động tổng lực với sự tham gia tích cực của nhiều cấp, nhiều ngành, các lực lượng xã hội cho công tác phòng, chống dịch, chăm sóc, điều trị các bệnh nhân Covid, đẩy mạnh tìm kiếm các nguồn cung cấp vắc-xin. Phương án thi tốt nghiệp trung học phổ thông đã được tổ chức tốt, tuyển sinh vào lớp 10 linh hoạt trong bối cảnh dịch bệnh, điều chỉnh hợp lý phương án tuyển sinh cao đẳng, đại học. Chính sách hỗ trợ người lao động được đẩy mạnh. Tuy nhiên, với những diễn biến phức tạp của dịch bệnh, sinh kế, đời sống của người dân bị ảnh hưởng. Hiện tượng người dân, chủ yếu là lao động nghèo, lao động tự do di chuyển tự phát từ vùng dịch về quê gây không ít khó khăn cho cả nơi đến và nơi đi trong việc thu xếp cách ly tập trung, tổ chức lại cuộc sống, giải pháp hỗ trợ, bảo đảm an ninh, an toàn, trật tự xã hội, thiếu hụt lao động khi các doanh nghiệp quay trở lại hoạt động...*

*Cụ thể như sau:*

*a) Về lao động, việc làm*

Các ngành, các cấp, các địa phương đã tập trung, khẩn trương triển khai Nghị quyết số 68/NQ-CP, thành lập Ban Chỉ đạo và ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP; đơn giản hóa, rút ngắn quy trình, thủ tục xác định các nhóm đối tượng được hỗ trợ để bảo đảm kinh phí hỗ trợ đến tay người dân gặp khó khăn một cách nhanh nhất. Đến nay các địa phương đang tích cực triển khai thực hiện chi trả trợ cấp cho người dân theo 12 chính sách quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP. Sau hơn mi thực hiện chi trả trợ cấp ccác chính sách đang đi đúng hưrợ cấp cho người dân theo 12 chính sách quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CPxác định các nhóm đối tượng được hỗ trợ để bảo đảm kinh phí hỗ trợ đến tay người dân gặp khó k cận các chính sách. Đác chính sách đang đi đúng hưrợ cấp cho người dân theo 12 chính sách quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CPxác định các nhóm đối tượng được hỗ trợ để bảo đảm kinh phí hỗ trợ đến tay người dân gặp khó k cận các chính sách. ất. các bệnh nh tỷ người; cho 180 người sử dụng lao động vay trên 136,8 tỷ đồng để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất, kinh doanh cho khoảng 35.800 người lao động; thực hiện chính sách giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho kho chính5 nghìn đơn v đúng hưrợ cấp cho người dân ,2 trichính5 nghìn đơn vị sử dụng lao động với gần 11theo 12 chính sách quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CPxác định các nhttrichính5 nghìn đơn vị sử dụng lao động với gần 11theo 12 chính sách quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CPxác định c

Tập trung xây dựng Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở cụ thể hóa nội dung, hoạt động chuyên môn cần triển khai để phân loại, chuẩn hóa năng lực, khối lượng học tập tối thiểu và văn bằng, chứng chỉ phù hợp đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp. Ước tuyển sinh 7 tháng đầu năm khoảng 858,3 nghìn người, trong đó: trình độ trung cấp, cao đẳng khoảng 58,3 nghìn người; trình độ sơ cấp và các chương trình giáo dục nghề nghiệp khác khoảng là 800.000 người (trong đó số lao động nông thôn được đào tạo 450.000 người).

Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương theo dõi chặt chẽ, nắm tình hình lao động, nhất là trong các khu công nghiệp, để kịp thời có phương án hỗ trợ doanh nghiệp khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động. Thực hiện các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm; tổ chức các sàn giao dịch việc làm trực tuyến[[23]](#footnote-23). Tăng cường các hoạt động hỗ trợ vay vốn tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm, góp phần tạo việc làm và tự tạo việc làm cho người lao động, nhất là các đối tượng yếu thế (lao động là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, lao động vùng sâu, vùng xa…). Các địa phương đã tiến hành rà soát các cơ sở, doanh nghiệp đang sử dụng lao động là người nước ngoài trên địa bàn; tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ mọi trường hợp nhập cảnh, lao động nước ngoài đã đăng ký và làm việc tại các cơ sở, doanh nghiệp; kiểm tra, chấn chỉnh việc cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài làm việc tại địa phương đúng quy định[[24]](#footnote-24). Chỉ đạo các doanh nghiệp thực hiện các hoạt động duy trì và phát triển các thị trường tiếp nhận lao động; kịp thời nắm bắt các thông tin về tình hình dịch Covid-19 và các quy định về tiếp nhận lao động tại các nước để hướng dẫn các doanh nghiệp tổ chức đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài đảm bảo các quy định về phòng, chống dịch của nước sở tại. Theo số liệu báo cáo từ các doanh nghiệp, trong 06 tháng đầu năm 2021, tổng số lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài là 40.602 lao động, đạt 45,11% kế hoạch.

Hướng dẫn thực hiện chính sách lao động, tiền lương cho doanh nghiệp và người lao động, góp phần ổn định tình hình quan hệ lao động trong doanh nghiệp, giảm thiểu tác động của đại dịch Covid-19 đến thu nhập, tiền lương của người lao động. Tăng cường các giải pháp xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp. Tiếp tục các giải pháp phát triển đối tượng tham gia và thực hiện các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Theo báo cáo của các trung tâm dịch vụ việc làm, tháng 7/2021 đã tiếp nhận 40.712 hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp (giảm 31,8% so với cùng kỳ tháng 6/2021 và giảm 34,1% so với cùng kỳ năm 2020); 7 tháng đầu năm có 475.355 người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp (bằng 82% so với cùng kỳ năm 2020). Chú trọng công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người sử dụng lao động, người lao động về an toàn, vệ sinh lao động, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; tăng cường công tác huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; chăm lo đời sống người lao động gặp khó khăn.

*b) Về giáo dục và đào tạo*

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và đại học theo các Đề án về nâng cao năng lực, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt[[25]](#footnote-25). Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra các địa phương về công tác chuẩn bị các điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới đối với lớp 2 và lớp 6; hướng dẫn các địa phương về việc xây dựng Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 – 2025 định hướng đến năm 2030[[26]](#footnote-26). Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chính sách phát triển giáo dục mầm non; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục mầm non thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.

Chuẩn bị các điều kiện cho các đoàn kiểm tra Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2021 vừa đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ, vừa an toàn trong phòng, chống dịch Covid-19; hướng dẫn các địa phương tổ chức đợt 1 Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2021 vào các ngày 07-08/7/2021 trong bối cảnh dịch Covid-19. Hướng dẫn các cơ sở đào tạo xác định chỉ tiêu tuyển sinh, xây dựng đề án tuyển sinh công khai trên trang web của các cơ sở đào tạo, phương tiện thông tin đại chúng làm căn cứ để thí sinh nghiên cứu lựa chọn phương án tuyển sinh vào trường, bảo đảm tính chính xác, minh bạch.

*c) Công tác an sinh xã hội*

T**ích cực triển khai lập q**uy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; hướng dẫn các địa phương chuẩn bị tổ chức các hoạt động nhân 74 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ dưới các hình thức phù hợp và thiết thực. T**hực hiện chi trả trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng đầy đủ, kịp thời, đến đúng đối tượng**. **Đẩy mạnh các hoạt động đền ơn đáp nghĩa; huy động nguồn lực xã hội chăm lo đời sống người có công với cách mạng.**

Trong khó khăn, tinh thần đoàn kết, đồng lòng, chung sức, chia sẻ, tương thân tương ái của người Việt Nam càng được phát huy, đẩy mạnh. Nhiều hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ của mọi tầng lớp nhân dân trên khắp mọi miền đất nước với người dân vùng dịch, lực lượng tuyến đầu chống dịch đã diễn ra sôi nổi, ấm áp tình người, từ buồng chuối, bó rau, quả trứng hay từ những đồng tiền ít ỏi của những người mà cuộc sống vốn chưa phải khá giả gì để đóng góp cho Quỹ vắc-xin của Chính phủ...

Các doanh nghiệp, tổ chức, hiệp hội...đã chung tay hỗ trợ người dân, cộng đồng, tổ chức cứu trợ, vận chuyển và thực hiện nhiều hoạt động thiện nguyện trên khắp mọi miền tổ quốc, đóng góp lớn về tài chính.

Những hành động thiết thực của người dân, doanh nghiệp trong chung tay đồng lòng cùng Chính phủ sớm ổn định đời sống nhân dân, người lao động, thể hiện tinh thần trách nhiệm, nghĩa cử cao đẹp của doanh nghiệp, người dân đối với đất nước; đã khơi dậy và khích lệ tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc, tình thương và lòng nhân ái trong mỗi con người Việt Nam, tạo nên sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc để chiến thắng và vượt qua mọi khó khăn do đại dịch gây ra.

**Tiếp tục hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai, thực hiện chính sách giảm nghèo; trong đó, thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi, tổng doanh số cho vay trong 6 tháng đầu năm đạt 48.217 tỷ đồng, với gần 1,3 triệu lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn.** Thực hiện chi trả trợ cấp xã hội hằng tháng cho trên 3,1 triệu đối tượng[[27]](#footnote-27). Triển khai các chương trình, đề án về trợ giúp xã hội đã được phê duyệt; quan tâm chăm sóc người cao tuổi[[28]](#footnote-28), chăm sóc và phục hồi chức năng cho người khuyết tật, người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí[[29]](#footnote-29); chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Tích cực triển khai lập quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; tiếp tục phối hợp với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam thí điểm xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, cấp số và thẻ an sinh xã hội tại tỉnh Vĩnh Phúc.

Triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện quyền trẻ em; tăng cường các biện pháp phòng, chống đuối nước, xâm hại trẻ em và bảo vệ, chăm sóc trẻ em trong đại dịch Covid-19. Duy trì các dịch vụ trợ giúp xã hội và kịp thời phát hiện, giải quyết, thông tin về các vấn đề, vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em và liên quan đến quyền trẻ em thông qua Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em. Tổ chức triển khai Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030; Chương trình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025. Tăng cường nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, tư vấn, hướng nghiệp, học nghề và giới thiệu việc làm cho học viên cai nghiện ma túy; truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống mại dâm; nhân rộng mô hình thí điểm cung cấp dịch vụ hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho người bán dâm, kết hợp thực hiện các biện pháp phòng, chống HIV/AIDS. Triển khai thực hiện Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

*d) Chăm sóc sức khỏe nhân dân*

Dịch Covid-19 với biến chủng Delta tiếp tục có những diễn biến phức tạp với khả năng lây lan nhanh, làm cho số ca nhiễm tăng mạnh, đặc biệt ở các địa phương phía Nam. Tính đến ngày 28/7/2021, tổng số ca nhiễm đã vượt 117 nghìn ca, số ca tử vong là 524 ca, trong đó thành phố Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng nặng nề nhất với số ca nhiễm hơn 74 nghìn. Trước tình hình đó, các cấp chính quyền đã ban hành các biện pháp cách ly xã hội theo tinh thần Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhằm giảm số ca nhiễm, cắt đứt nguồn lây nhiễm, đồng thời đẩy mạnh tiêm vắc-xin và áp dụng những biện pháp khác để tránh gây quá tải cho hệ thống y tế.

Đối với các bệnh khác, trong tháng (19/6-18/7/2021), cả nước có 9.577 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (4 trường hợp tử vong); 864 trường hợp mắc bệnh tay chân miệng; 65 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do vi rút; 49 trường hợp sốt phát ban nghi sởi. Tính chung 7 tháng năm 2021, cả nước có 39.323 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (9 trường hợp tử vong); 37.457 trường hợp mắc bệnh tay chân miệng (11 trường hợp tử vong); 367 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do vi rút (5 trường hợp tử vong); 13 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do não mô cầu (2 trường hợp tử vong); 358 trường hợp sốt phát ban nghi sởi, trong đó có 39 trường hợp dương tính.

Tổng số người nhiễm HIV của cả nước hiện còn sống tính đến thời điểm 18/7/2021 là 211.111 người; số người đã chuyển sang giai đoạn AIDS là 89.874 người và số người tử vong do HIV/AIDS của cả nước tính đến thời điểm trên là 106.328 người.

Về ngộ độc thực phẩm, trong tháng xảy ra 5 vụ với 342 người bị ngộ độc. Tính chung 7 tháng năm 2021, cả nước xảy ra 47 vụ với 1.244 người bị ngộ độc (5 người tử vong).

*đ) Về văn hóa, thể thao và du lịch*

*- Về văn hóa,* đã trình Chính phủ hồ sơ Luật Điện ảnh (sửa đổi); tiếp tục tiếp thu, hoàn thiện Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ (phần nội dung quyền tác giả, quyền liên quan); Dự án Luật phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi); xây dựng và trình Chính phủ 09 Nghị định; hoàn thiện và ban hành theo thẩm quyền 22 Thông tư. Từng bước hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực của ngành như Báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép xây dựng Nghị định về chế độ, chính sách cho văn nghệ sĩ (theo thủ tục rút gọn để thay thế Quyết định số 14/2015/QĐ- TTg ngày 07/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp và chế độ bồi dưỡng đối với người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn); Ban hành Kế hoạch tổ chức các chương trình nghệ thuật đặc sắc cổ vũ, nâng cao sức mạnh tinh thần nhân dân vượt qua đại dịch Covid 19 (chuỗi 28 chương trình trong năm 2021). Bằng văn hóa và từ văn hóa, các giá trị truyền thống tốt đẹp của toàn dân tộc tiếp tục được phát huy mạnh mẽ, sự đoàn kết, gắn bó, yêu thương, chia sẻ được nhân rộng, nhân lên thành sức mạnh mềm của văn hóa.

*- Về thể thao,* phối hợp xây dựng Đề án Sức khỏe học đường giai đoạn 2021- 2025, tầm nhìn đến năm 2030 do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì; phối hợp với Bộ Quốc phòng hướng dẫn Bộ Chỉ huy Quân sự và Sở văn hóa thể thao và du lịch, Sở văn hóa thể thao các tỉnh/thành tổng kết Chương trình phối hợp về quản lý, chỉ đạo hoạt động thể dục, thể thao trong Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ giai đoạn 2017-2021 và ký kết Chương trình phối hợp giai đoạn 2022-2026; xây dựng tài liệu hướng dẫn luyện tập TDTT bảo vệ, nâng cao sức khỏe, phòng chống bệnh tật cho cộng đồng và công nhân, viên chức, lao động; tập trung chuẩn bị cho Đoàn Thể thao người khuyết tật Việt Nam tham dự Paralympic Tokyo. Tổ chức Đoàn Thể thao Việt Nam tham dự và thi đấu tại Thế vận hội Olympic Tokyo, Nhật Bản (từ ngày 18/7 đến ngày 13/8/2021); tiếp tục triển khai công tác chuẩn bị tổ chức SEA Games 31; triển khai Đề án “Tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao và nhân lực thể thao thành tích cao đến năm 2035”; phối hợp với Liên đoàn Bóng đá Việt Nam xây dựng kế hoạch, phương án tổ chức các trận thi đấu của Đội tuyển bóng đá Nam quốc gia thuộc vòng loại thứ 3 khu vực châu Á giải Vô địch Bóng đá thế giới (FIFA World Cup 2022).

*e) Về thông tin, truyền thông*

Tập trung thông tin kịp thời các hoạt động chính trị - xã hội, phản ánh tình hình kinh tế - xã hội của đất nước; thông tin kịp thời, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các hoạt động kinh tế - xã hội, các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19, các hoạt động đối ngoại... Bám sát, thông tin đầy đủ về các vấn đề: dân sinh; an toàn thực phẩm; thông tin về tình hình an toàn giao thông, an ninh, trật tự; phòng, chống hàng lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội… Tuyên truyền, vận động hướng tới Ngày Bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Chủ động, tích cực, tập trung, kịp thời truyền thông về diễn biến mới của dịch Covid-19 tại Việt Nam, thế giới và công tác ứng phó với dịch; cập nhật liên tục các phiên họp của Ban chỉ đạo Quốc gia về phòng chống dịch; tinh thần quốc tế của Việt Nam trong việc hỗ trợ các nước phòng chống dịch; ảnh hưởng của dịch bệnh đến tình hình phát triển kinh tế; giải pháp của Chính phủ nhằm đảm bảo các mục tiêu tăng trưởng; phê phán các hành vi trục lợi từ dịch bệnh; xử lý các hành vi chống đối, làm trái quy định trong phòng chống dịch bệnh Covid-19; phản bác, chỉnh lý thông tin sai lệch về dịch bệnh và lợi dụng dịch bệnh để thông tin sai sự thật, xuyên tạc… Thông tin về những tiến bộ đạt được trong điều trị bệnh nhân và nghiên cứu điều chế vắc xin trên thế giới, các nhận định, dự báo của WHO và Liên hợp quốc, những ảnh hưởng đến đời sống người dân và nền kinh tế, những tác động của dịch Covid-19 đến Việt Nam, đến kinh tế khu vực và thế giới... Thông tin về sự đánh giá tích cực của quốc tế về năng lực của Việt Nam và các biện pháp hiệu quả của Chính phủ trong công tác phòng ngừa dịch lây lan, chủ trương của Nhà nước trong việc đặt mua và tiêm chủng vắc-xin phòng ngừa dịch Covid-19.

**(4)** **Về tình hình phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông và phòng, chống cháy, nổ**

*- Bảo vệ môi trường:* Trong tháng, cơ quan chức năng đã phát hiện 1.409 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 1.255 vụ với tổng số tiền phạt gần 34 tỷ đồng. Tính chung 7 tháng năm nay đã phát hiện 10.491 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 9.261 vụ với tổng số tiền phạt 154,3 tỷ đồng.

*- Hậu quả do thiên tai:* Trong tháng (từ 19/6-18/7/2021), thiệt hại do thiên tai chủ yếu là mưa lớn gây ngập, giông lốc, sét đánh, hạn hán và sạt lở làm 7 người chết; 14 người bị thương; 27,3 nghìn ha lúa và 7,8 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; 44 ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và 1,1 nghìn ngôi nhà bị ngập hư hại, thiệt hại ước tính 263,2 tỷ đồng, giảm 84,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng đầu năm, thiên tai làm 41 người chết và mất tích, 65 người bị thương; 282 ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và 8,8 nghìn ngôi nhà bị ngập hư hại; 7 nghìn con gia súc và gia cầm bị chết; 74,8 nghìn ha lúa và 20,1 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính 771,8 tỷ đồng, giảm 88% so với cùng kỳ năm trước.

*- An toàn giao thông:* Trong tháng (từ 15/6-14/7/2021), trên địa bàn cả nước xảy ra 792 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 531 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 261 vụ va chạm giao thông, làm 435 người chết, 273 người bị thương và 509 người bị thương nhẹ. So với tháng trước, số vụ tai nạn giao thông giảm 4% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 1,5% và số vụ va chạm giao thông giảm 8,7%); số người chết giảm 0,2% và số người bị thương tăng 7,9% và số người bị thương nhẹ giảm 3,6%. So với cùng kỳ năm 2020, số vụ tai nạn giao thông trong tháng giảm 37,5% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 25,7% và số vụ va chạm giao thông giảm 46,8%); số người chết giảm 23,42%; số người bị thương giảm 47,36% và số người bị thương nhẹ giảm 50,4%.

Tính chung 7 tháng đầu năm, trên địa bàn cả nước xảy ra 7.132 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 4.568 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 2.569 vụ va chạm giao thông, làm 3.627 người chết, 2.362 người bị thương và 2.622 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong 7 tháng năm nay giảm 12,9% (số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 0,2%; số vụ va chạm giao thông giảm 24,8%); số người chết giảm 5,6%; số người bị thương giảm 0,2% và số người bị thương nhẹ giảm 24,7%. Bình quân 1 ngày trong 7 tháng năm 2021, trên địa bàn cả nước xảy ra 34 vụ tai nạn giao thông, gồm 22 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 12 vụ va chạm giao thông, làm 17 người chết, 11 người bị thương và 12 người bị thương nhẹ.

*- Phòng chống cháy, nổ:* Trong tháng[[30]](#footnote-30), cả nước xảy ra 216 vụ cháy, nổ, làm 8 người chết và 5 người bị thương, thiệt hại ước tính 29,6 tỷ đồng. Tính chung 7 tháng năm 2021, trên địa bàn cả nước xảy ra 1.384 vụ cháy, nổ, làm 67 người chết và 93 người bị thương, thiệt hại ước tính 318,3 tỷ đồng.

**(5) Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại**

Lực lượng Công an, Quân đội tích cực tham gia tuyến đầu bảo đảm an ninh, trật tự, phòng, chống dịch Covid-19. Tổ chức rà soát từng nhà, từng hộ dân, quản lý từng tổ dân cư, khu phố, lập danh sách người nước ngoài, công dân Việt Nam từ nước ngoài nhập cảnh về nước, xác định các trường hợp nghi nhiễm để tổ chức cách ly kịp thời. Kiểm soát chặt chẽ việc xuất cảnh, nhập cảnh tại các cửa khẩu đường bộ, đường không, đường biển. Duy trì các tổ, chốt phòng, chống dịch Covid-19 và kiểm soát chặt chẽ các cửa khẩu, đường mòn, lối mở; ngăn chặn xuất, nhập cảnh trái phép, đặc biệt là các khu vực Ta chưa phân giới cắm mốc trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia. Tăng cường kiểm tra, ngăn chặn, xử lý nghiêm người tung tin thất thiệt về tình hình dịch bệnh; phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp không thực hiện nghiêm quy định phòng, chống dịch.

Tổ chức tốt công tác cách ly công dân nhập cảnh, cách ly các đối tượng nguy cơ trong cộng đồng không để lây chéo trong khu cách ly (đến ngày 16/7/2021 toàn quân triển khai 188 điểm, cách ly cho 94.145 công dân; hiện tại có 82 điểm đang cách ly cho 11.938 công dân). Tăng cường chỉ đạo, quản lý, thực hiện công tác cách ly tại các điểm cách ly tập trung trên địa bàn, đặc biệt là tại các địa bàn có lây nhiễm trong cộng đồng trong giai đoạn dịch bùng phát.

Trong tháng 7/2021, Bộ Quốc phòng đã chỉ đạo các cơ quan đơn vị trong toàn quân[[31]](#footnote-31); bổ sung, tăng cường lực lượng làm nhiệm vụ trên tuyến đầu chống dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam với 1.087 cán bộ nhân viên quân y, triển khai 10 máy xét nghiệm, 2 xe xét nghiệm có khả năng lấy 1.500 mẫu và xét nghiệm 4.400 - 4.700 mẫu đơn/ngày; triển khai 2.000 - 2.200 giường điều trị Covid-19. Chỉ đạo chuyển đổi công năng Bệnh viện Quân dân y Miền Đông sang điều trị bệnh nhân nhiễm Covid-19 với sự tham gia 408 cán bộ nhân viên; triển khai Bệnh viện dã chiến truyền nhiễm số 5A tại f317/QK7 tại Quận Hóc Môn, Bệnh viện dã chiến truyền nhiễm số 5B tại Bộ Chỉ huy QS tỉnh Bình Dương, Bệnh viện dã chiến truyền nhiễm số 6 tại e2/f8/QK9 với quy mô 500 giường bệnh/01 Bệnh viện.

Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, phối hợp với các lực lượng bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; không để bị động, bất ngờ, nhất là trên Biển Đông, các địa bàn trọng điểm và không gian mạng. Tiếp tục chỉ đạo Quân chủng Hải quân, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển tuần tra, kiểm soát, xua đuổi tàu cá Trung quốc xâm phạm vùng biển của ta; tuyên truyền, ngăn chặn tàu cá Việt Nam vi phạm vùng biển nước ngoài khai thác hải sản trái phép; bảo vệ các hoạt động khai thác thủy sản hợp pháp trên các vùng biển của ta. Tăng cường hợp tác với Trung Quốc, Lào, Campuchia trong quản lý biên giới; chỉ đạo thúc đẩy, thiết lập cơ chế hợp tác biên phòng ba cấp với lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới của Trung Quốc, Lào, Campuchia.

Đẩy mạnh "ngoại giao vắc-xin", tìm kiếm đối tác cung cấp vắc-xin và tìm hiểu kinh nghiệm các nước về việc mua, triển khai tiêm chủng vắc-xin. Đẩy mạnh, tranh thủ hợp tác quốc tế và sự hỗ trợ của các nước trong kiểm soát phòng, chống dịch bệnh và tiếp cận các nguồn cung cấp vắc-xin, đặc biệt là thông qua cơ chế Covax của Liên hợp quốc**[[32]](#footnote-32)**. Đã tham dự và chia sẻ kinh nghiệm tại Phiên thảo luận trực tuyến cấp cao của Hội đồng Bảo an về tiếp cận vắc-xin, hỗ trợ nhân viên Liên hợp quốc được vào danh sách tiêm chủng vắc-xin Covid-19. Các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đã phát huy tốt vai trò chủ động, tích cực tìm hiểu, giới thiệu đầu mối và hỗ trợ trao đổi với Chính phủ các nước, các công ty dược phẩm, tìm hiểu khả năng mua các loại vắc-xin tiềm năng và đề nghị viện trợ vắc-xin cho Việt Nam.

**2. Nguyên nhân**

**a) Nguyên nhân của kết quả đạt được**

Đạt được những kết quả nêu trên chủ yếu nhờ sự quyết tâm, nỗ lực vào cuộc của cả hệ thống chính trị; lãnh đạo sâu sát của Đảng, quyết sách của Quốc hội, sự chỉ đạo, điều hành đúng hướng, quyết liệt, thường xuyên, kịp thời, thống nhất và xuyên suốt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; tinh thần đoàn kết, đồng lòng, chung sức của toàn xã hội, niềm tin của nhân dân, doanh nghiệp về quyết tâm phòng chống dịch, bảo vệ sức khỏe nhân dân của Đảng và Nhà nước được củng cố và tăng cường[[33]](#footnote-33).

**b) Nguyên nhân của hạn chế, khó khăn**

- Dịch bệnh Covid-19 diễn biến rất phức tạp, biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh và nguy hiểm hơn là nguyên nhân chủ yếu, ảnh hưởng đến hầu hết các ngành, lĩnh vực, các địa bàn trọng yếu, động lực phát triển của cả nền kinh tế. Bên cạnh đó là các yếu tố đến từ môi trường bên ngoài như: giá cả nguyên, nhiên, vật liệu, cước, phí vận chuyển hàng hóa quốc tế tăng cao trong khi nhập khẩu nhóm hàng tư liệu sản xuất chiếm tỷ trọng rất lớn (93,8%) làm gia tăng giá trị nhập khẩu, ảnh hưởng lớn đến cán cân thương mại hàng hóa; dòng vốn FDI toàn cầu suy giảm kỷ lục thấp nhất từ năm 1990, ảnh hưởng đến triển vọng thu hút FDI.

- Kinh tế thế giới đang trong xu hướng phục hồi nhưng chưa đồng đều và thiếu ổn định, tiềm ẩn nguy cơ rủi ro về gián đoạn chuỗi cung ứng và thiếu hụt nguồn cung nguyên, vật liệu phục vụ sản xuất, áp lực làm gia tăng lạm phát.

- Tại một số địa phương, công tác triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh còn thiếu thống nhất; có lúc, có nơi còn chủ quan, lơ là, cứng nhắc, “càng khó khăn, càng siết chặt”, chưa linh hoạt, sáng tạo phù hợp với diễn biến của tình hình dịch bệnh, điều kiện KTXH đặc thù; chưa phát huy hợp lý, hiệu quả, tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng, nguồn lực hiện có của hệ thống y tế, xã hội.

**3. Bài học kinh nghiệm**

- Chủ động, quyết liệt trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo, tổ chức thực hiện thống nhất, xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương, các cấp, các ngành; ưu tiên cao nhất mọi nguồn lực, phát huy tinh thần đoàn kết, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh.

- Kế thừa, phát huy kết quả đạt được, bài học hay, kinh nghiệm quý, khắc phục bằng được những hạn chế, yếu kém; lấy khó khăn, thách thức là động lực để phấn đấu vượt khó, trưởng thành, vươn lên; không ngừng nỗ lực, kiên trì, kiên định thực hiện mục tiêu phát triển của năm 2021 và cả giai đoạn 2021-2025.

- Cần đẩy mạnh đột phá về thể chế để tạo động lực thúc đẩy phát triển; bám sát thực tiễn, linh hoạt, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành, tăng cường phân công, phân cấp đi đôi với kiểm tra, giám sát; bảo đảm vai trò lãnh đạo, điều hành thống nhất trên phạm vi cả nước.

- Kịp thời tháo gỡ điểm nghẽn, hỗ trợ người dân, người lao động, doanh nghiệp vượt qua khó khăn; tuyệt đối không lơ là, chủ quan, mất cảnh giác, nhất là trong phòng, chống dịch bệnh.

**II. ĐÁNH GIÁ VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC**

**1. Diễn biến kinh tế thế giới và khu vực**

Trong tháng, kinh tế thế giới có nhiều dấu hiệu phục hồi, dù chưa đồng đều giữa các nhóm nền kinh tế. Các nền kinh tế phát triển phục hồi khá mạnh mẽ, trong khi đó, các quốc gia đang phát triển phục hồi chậm. Sản xuất trên toàn cầu được cải thiện với tốc độ tương đối nhanh, do nhu cầu, nhất là ở khu vực dịch vụ, phục hồi mạnh mẽ ở Hoa Kỳ và Châu Âu.

Ngân hàng Thế giới (WB, 6/2021) dự báo các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển tăng trưởng 6%, các nền kinh tế phát triển tăng trưởng 5,4% trong năm 2021. Cục Dự trữ Liên bang (Fed) quyết định giữ nguyên lãi suất chiết khấu ở biên độ 0-0,25% và nhận định nền kinh tế Mỹ đang tiếp tục hồi phục bất chấp những lo ngại về sự lây lan của đại dịch.

Tuy vậy, kinh tế toàn cầu cũng cho thấy nhiều dấu hiệu cảnh báo, phục hồi bền vững vẫn gặp những rủi ro khi các biến thể mới xuất hiện với tốc độ lan nhanh (biến thể Alpha, Delta vẫn đang lây lan nhanh chóng, biến thể Lambda đang lan nhanh ở Peru và 29 quốc gia khác). Bên cạnh nỗ lực đẩy nhanh chương trình tiêm chủng vắc-xin, tốc độ tiêm chủng vẫn mất cân bằng rõ rệt giữa các nước đang phát triển và phần còn lại của thế giới. Ngay cả ở những nước đã có tỷ lệ tiêm chủng cao, số ca nhiễm tăng trở lại buộc nhiều Chính phủ phải tái áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội.

Chỉ số PMI tổng hợp toàn cầu có sự sụt giảm nhẹ trong tháng 6/2021, đạt 56,6 điểm – chủ yếu nhờ sự tăng trưởng của Mỹ và các quốc gia châu Âu.

**Một số nền kinh tế chủ yếu:**

*Kinh tế Mỹ* phục hồi đáng kể đi kèm với áp lực nợ công và tỷ lệ lạm phát cao. Chỉ số IIP[[34]](#footnote-34) và PMI[[35]](#footnote-35) của Mỹ tiếp tục giữ mức cao và là mốc kỷ lục mới trong tháng 6/2021[[36]](#footnote-36). Số việc làm mới tiếp tục tăng 692 nghìn việc làm trong tháng 6/2021. Gói cứu trợ 1,9 tỷ USD tiếp tục được giải ngân nhưng với tốc độ giảm dần, tính đến 14/7/2021, đã giải ngân được 56% (so với mức 51% đến tháng 6/2021). Bên cạnh các dấu hiệu lạc quan của nền kinh tế, Chính phủ Mỹ đang phải cân nhắc về khoản nợ công khổng lồ cũng như tỷ lệ lạm phát tiếp tục đạt các mốc kỷ lục mới trong bối cảnh Chính phủ nước này tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa các chương trình kích thích tài khoá[[37]](#footnote-37).

*Kinh tế Trung Quốc* cho thấy những dấu hiệu suy giảm tăng trưởng sớm hơn dự kiến do sự suy giảm của xuất khẩu và tiêu dùng nội địa. PMI ngành sản xuất của Trung Quốc mặc dù vẫn ở trên ngưỡng 50% nhưng tiếp tục xu hướng giảm tốc, trong khi chỉ số phụ về đơn hàng xuất khẩu tiếp tục dưới ngưỡng mở rộng. PMI ngành dịch vụ đã xuống dưới ngưỡng 50 vào tháng 6 và doanh số bán lẻ cũng chưa phục hồi về mức tăng trưởng như trước đại dịch. Sự suy giảm tăng trưởng của Trung Quốc có khả năng tác động lớn đến triển vọng kinh tế toàn cầu, tiêu biểu như giảm thiểu áp lực lạm phát toàn cầu trong ngắn hạn.

*Khu vực EU*: Trong vài tháng qua, việc nới lỏng các biện pháp phòng dịch đã giúp kinh tế nhiều nước châu Âu phục hồi mạnh mẽ. Sản xuất liên tục mở rộng, chỉ số PMI sản xuất đạt mức cao kỷ lục 63,4 điểm vào tháng 6/2021, do các đơn hàng mới tăng nhanh, đặc biệt là đơn hàng xuất khẩu mới, tốc độ tạo việc làm tăng mạnh đi kèm với chi phí đầu vào và đầu ra tăng. Theo thống kê của Cơ quan thống kê châu Âu (7/2021), tỷ lệ thất nghiệp của khu vực Eurozone đã giảm xuống 7,9% trong tháng 5/2021, thấp hơn 0.1 điểm % so với tháng 4/2021. Tỷ lệ thất nghiệp của toàn liên minh châu Âu cũng cho thấy xu hướng tương tự. Tuy nhiên, với sự xuất hiện của biến thể delta, số ca bệnh Covid-19 đang tăng trở lại, buộc các quốc gia phải tái áp dụng các biện pháp phòng dịch.

Trong bối cảnh *hoạt động thương mại* dần phục hồi sau đại dịch, các quốc gia đã rất tích cực thúc đẩy các hiệp định thương mại tự do (FTA) và các hiệp định hợp tác trong một số lĩnh vực nhằm tạo dựng thêm động lực khôi phục kinh tế. Singapore, Trung Quốc, Nhật Bản đã chính thức phê chuẩn Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP). Anh đã chính thức bắt đầu đàm phán gia nhập Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Nhiều quốc gia, trong đó có cả Mỹ, đã quan tâm hơn đến các hiệp định kinh tế số, và tích cực tìm hiểu về Hiệp định Đối tác Kinh tế số mà Singapore, Chile và New Zealand bắt đầu thực hiện từ 07/01/2021.

*Xu hướng vốn đầu tư trực tiếp toàn cầu* phục hồi chậm, áp lực cạnh tranh trong thu hút FDI lớn, đặc biệt là đối với các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển. Trước triển vọng phục hồi kinh tế và thương mại toàn cầu trong năm 2021, FDI toàn cầu đang có dấu hiệu cải thiện. Chỉ số FDI toàn cầu tháng 5 đạt mức 793 điểm (tăng 55% so với cùng kỳ năm 2020)[[38]](#footnote-38). Tuy nhiên, sự phục hồi chưa thực sự chắc chắn. Theo đánh giá của UNCTAD (1/2021)[[39]](#footnote-39), dòng vốn FDI toàn cầu sẽ chạm đáy trong năm 2021 và phục hồi một phần với mức tăng khoảng 10-15%. Dòng vốn vào các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi gặp nhiều thách thức do tác động của dịch bệnh và việc cơ cấu lại chuỗi cung ứng toàn cầu. Tâm lý lo ngại rủi ro toàn cầu tăng đột biến đã kích hoạt hoạt động rút vốn cổ phần, đặc biệt từ các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi ở Đông Á và Thái Bình Dương. Theo dự báo của WB, ngay cả khi đại dịch dự kiến dần kết thúc vào năm 2021, mức phục hồi ngắn hạn trong đầu tư vào các nền kinh tế đang phát triển cũng chỉ đạt 5,7%, thấp hơn nhiều so với con số 10,8% của năm 2010 sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu.

*Lạm phát, giá cả của nhiều mặt hàng tăng mạnh*. Lạm phát toàn cầu năm 2021 được dự báo tăng khá mạnh (ở mức 2,8% so với mức 2% năm 2020) do giá cả của các hàng hoá cơ bản tăng mạnh cùng với nỗ lực phục hồi kinh tế hậu Covid-19 bằng các chính sách tài khoá, tiền tệ nới lỏng. Từ đầu năm đến nay, giá năng lượng, các hàng hoá phi năng lượng, giá lương thực, kim loại và khoáng chất đều tăng[[40]](#footnote-40). IMF (4/2021) dự báo, trong năm 2021, giá dầu thô tăng 41,7%, hàng nông sản thô tăng 12,9%, thép tăng 32,1%, thức ăn tăng 13,9% và giá cả hàng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2%. Mức tăng này cao hơn rất nhiều so với các năm 2013-2020. Bên cạnh đó, chi phí vận tải hàng hóa cũng đang tăng nhanh, chỉ số giá cước vận tải hàng hóa toàn cầu đã tăng 1,35 lần từ cuối tháng 4 đến nay[[41]](#footnote-41). Chi phí đầu vào tăng khiến giá sản xuất của nhiều quốc gia tăng nhanh. Điều này gây áp lực tăng giá sản xuất và lạm phát từ “chi phí đẩy” đối với Việt Nam thời gian tới.

Trong bối cảnh các quốc gia dần nới lỏng các hạn chế và kỳ vọng về phục hồi tăng trưởng kinh tế, trong phiên họp ngày 18/7, nhóm Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và các đối tác (OPEC+) đã thống nhất tăng sản lượng dầu thô từ tháng 8/2021 nhằm thúc đẩy đà phục hồi kinh tế toàn cầu khi đại dịch lắng dịu. Cụ thể, sản lượng cung cấp cho thị trường tăng 2 triệu thùng/ngày.

Trong dài hạn, việc thực hiện các *gói kích thích kinh tế* quy mô lớn khiến rủi ro nợ công của nhiều quốc gia tăng nhanh. Nợ công của Trung Quốc đã tăng 7,3% từ năm 2020[[42]](#footnote-42). Việc thực thi các biện pháp tài khóa quy mô lớn khiến thâm hụt ngân sách của Mỹ tăng vọt. Thâm hụt ngân sách Mỹ trong năm tài khóa 2020 đã tăng hơn 200% lên 3.100 tỷ USD - gấp đôi so với mức kỷ lục ghi nhận trước đó. Riêng trong ba tháng đầu tiên của năm tài khóa 2021[[43]](#footnote-43), thâm hụt ngân sách của Mỹ đã tăng 61%[[44]](#footnote-44) - mức cao nhất trong nhiều năm qua. Các biện pháp kích thích kinh tế quy mô lớn của Mỹ cũng được dự báo sẽ có những tác động tiêu cực trong dài hạn[[45]](#footnote-45). Nợ công của khu vực EU cũng được dự báo ở mức kỷ lục, với dư nợ trên 100% GDP hằng năm. Nhật Bản đang phải đối mặt với mức nợ công cao kỷ lục năm thứ 5 liên tiếp[[46]](#footnote-46). Nợ công cao và kéo dài sẽ hạn chế dư địa kích thích, phục hồi kinh tế bằng các gói hỗ trợ tài khóa, đồng thời ẩn chứa nguy cơ một cuộc khủng hoảng tương tự cuộc khủng hoảng nợ công châu Âu trong quá khứ nếu không được kiểm soát tốt.

**2. Dự báo tình hình kinh tế trong nước**

Trong nước, khó khăn, thách thức đạt mục tiêu tăng trưởng của năm 2021 từ 6-6,5% là rất lớn, trong bối cảnh thời gian còn lại của năm không còn nhiều. Một số tổ chức quốc tế đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam[[47]](#footnote-47). Triển vọng tăng trưởng trong những tháng còn lại phụ thuộc vào tốc độ dập tắt đợt bùng phát dịch bệnh tháng 7 tại TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội và các địa phương lân cận; cũng như khả năng kiểm soát dịch bệnh, thực hiện chiến dịch tiêm chủng vắc-xin hiệu quả trong thời gian tới.

Dự báo trong các tháng tiếp theo, nền kinh tế trong nước tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, trong đó bao gồm:

(i) *Nguy cơ lan rộng của đại dịch Covid-19 vẫn hiện hữu*, với sự xuất hiện nhiều biến thể mới, tốc độ lây lan nhanh và rộng hơn. Sự bùng phát dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng mạnh đến các hoạt động của các trung tâm kinh tế, trong đó ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất tại nhiều khu công nghiệp, tỉnh, thành phố lớn và do đó ảnh hưởng lớn đến chuỗi cung ứng. Nhiều nước phát triển hiện đã chủ động vắc-xin nên kiểm soát được tình hình tốt hơn và sớm quay trở lại trạng thái bình thường. Trong khi đó, ở nhiều nước châu Á, đặc biệt Đông Nam Á, tỷ lệ tiêm chủng còn thấp, nguồn cung vắc-xin khó khăn, nên rủi ro lỗi nhịp với nền kinh tế thế giới đã hiện hữu;

(ii) *Tiến trình tiêm chủng vaccine của Việt Nam còn chậm.* Tỷ lệ tiêm chủng vaccine còn ở mức thấp, đứng thứ 10 về tỷ lệ tiêm vaccine ngừa Covid-19 trong các nước ASEAN.

(iii) *Hoạt động của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn.* Diễn biến phức tạp và lây lan nhanh, rộng của dịch có ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của các doanh nghiệp trong nước;

(iv) *Chi phí sản xuất và lạm phát chịu sức ép* *lớn* do giá hàng hóa cơ bản, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất (xăng dầu, sắt, thép,…)[[48]](#footnote-48) và lạm phát thế giới đang tăng mạnh. Sang tháng 7, sự bùng phát dịch Covid-19 và việc phải giãn cách xã hội đã khiến cho việc lưu thông hàng hóa ở một số địa phương gặp khó khăn làm tăng giá một số nhóm hàng hóa thiết yếu. Giá xăng dầu trong nước tăng do biến động giá trên thị trường thế giới. Mặc dù số liệu lạm phát 7 tháng vẫn ở mức thấp, tuy nhiên có rủi ro kỳ vọng lạm phát gia tăng, trong bối cảnh rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng hàng hóa thiết yếu trong nước trở nên hiện hữu, các gói hỗ trợ của các nền kinh tế lớn có tác động trễ, phục hồi giá hàng hóa trên thị trường thế giới.

(v) *Dịch Covid-19 bùng phát trở lại khiến nhiều người lao động tiếp tục gặp khó khăn*, đặc biệt là nhóm lao động phi chính thức, do giãn cách, giảm giờ làm, tạm dừng việc, thậm chí mất việc;

(vi) Trong bối cảnh của đại dịch Covid-19, việc sử dụng các công nghệ kỹ thuật số đã nhanh chóng chuyển từ ưu tiên sang bắt buộc. Các doanh nghiệp cần cung cấp phương tiện làm việc từ xa cho người lao động, cũng như tạo ra các kênh thương mại điện tử để hỗ trợ người tiêu dùng thay cho các phương pháp truyền thống trước đây. Việt Nam đang đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số với nhiều lợi thế, nhưng cũng có không ít thách thức. Quá trình chuyển đổi mạnh mẽ này có thể khiến các doanh nghiệp vừa và nhỏ bị tụt hậu. Chậm trễ trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan (về bảo hộ dữ liệu, thương mại điện tử, hạ tầng số, v.v.) có thể ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi số của doanh nghiệp và Chính phủ;

(vii) Bối cảnh đại dịch Covid-19 cũng đặt ra nhiều rủi ro cho công tác điều hành trong nước. Những rủi ro hiện hữu bao gồm rủi ro nợ xấu trong khu vực tài chính và rủi ro xã hội phát sinh do người dân và doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính.

**III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG NHỮNG THÁNG CÒN LẠI NĂM 2021**

Dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp và lan rộng ra nhiều tỉnh, thành phố và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiều hoạt động kinh tế - xã hội của Việt Nam. Khác với trước đây, đợt dịch bùng phát từ cuối tháng 4 kéo dài hơn và phức tạp hơn, khó kiểm soát hơn cả về quy mô cũng như tốc độ lây lan với tâm dịch là các tỉnh, thành phố lớn, tại các địa điểm tập trung đông người như bệnh viện, khu công nghiệp, đông dân cư, gây khó khăn cho hệ thống y tế cũng như các hoạt động kinh tế - xã hội tại nhiều địa phương, đòi hỏi chiến lược phòng chống dịch mới và chiến lược tiêm vắc-xin quyết liệt và hiệu quả hơn. Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và nhiều tỉnh, thành phố đã thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời chuẩn bị các phương án ứng phó cho kịch bản gia tăng các ca bệnh Covid-19.

Trong tình hình mới đòi hỏi các bộ, ngành, địa phương phải hết sức tránh quan liêu, “xa dân”, phải có cách tiếp cận mới và triển khai các biện pháp phòng, chống dịch quyết liệt hơn, mạnh mẽ hơn, hiệu quả hơn, quán triệt phương châm “rõ, nghiêm, chắc, hiệu quả”. Tập trung sản xuất vaccine phòng Covid-19 trong nước nhanh nhất, sớm nhất có thể. Các bộ, cơ quan liên quan cần hỗ trợ, tạo điều kiện tối đa cho các đơn vị nghiên cứu, chuyển giao công nghệ sản xuất vaccine, giải quyết những vấn đề pháp lý đặt ra trong sản xuất công nhận vaccine trong nước. Tổ chức thực hiện thật tốt công tác an sinh xã hội, nhất là bảo đảm cung ứng kịp thời, đầy đủ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm thiết yếu đến tận tay người dân, nhất là ở khu cách ly, quan tâm đặc biệt đối với người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người mất công ăn việc làm do dịch bệnh; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội. Các địa phương phải nắm chắc tình hình, xử lý ngay, không để bất cứ người dân nào thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu các nhu yếu phẩm thiết yếu.

**1. Về phương hướng, quan điểm chỉ đạo, điều hành**

Khẩn trương tổ chức triển khai các Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ XIII, Hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành Trung ương khóa XIII, Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XV[[49]](#footnote-49) và các Nghị quyết của Chính phủ. Đặc biệt là chỉ đạo các cấp, các ngành, huy động sự tham gia của xã hội, nhân dân, doanh nghiệp hưởng ứng mạnh mẽ lời kêu gọi của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, tất cả cùng chung tay, chủ động, quyết tâm đẩy lui dịch bệnh, tạo điều kiện vững chắc để thực hiện phương châm *“bảo vệ sức khỏe, tính mạng nhân dân trước dịch bệnh là nhiệm vụ quan trọng, ưu tiên hàng đầu; bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ kịp thời các đối tượng dễ bị tổn thương, đối tượng gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, lâu dài; tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp, chuẩn bị kỹ các điều kiện, sẵn sàng tận dụng cơ hội để phục hồi sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng, phát triển bền vững là nhiệm vụ cần thiết, cấp bách”*. Cụ thể:

- Kiên trì thực hiện mục tiêu “kép”, vận dụng hài hòa, linh hoạt, sáng tạo theo từng thời điểm, phù hợp với tình hình mỗi địa phương để xác định mục tiêu ưu tiên giữa kiểm soát dịch bệnh và thúc đẩy tăng trưởng, gắn với việc tận dụng mọi cơ hội, huy động mọi nguồn lực phục vụ phòng, chống dịch bệnh và phát triển kinh tế, xã hội.

- Phải đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, giữ vững các cân đối lớn của nền kinh tế, phát triển kinh tế phải đi đôi với bảo đảm an sinh xã hội, phát triển văn hóa, giáo dục, đào tạo, bảo đảm quốc phòng an ninh, bảo vệ môi trường; tranh thủ thời cơ để đẩy mạnh cải cách, nhất là cải cách hành chính, môi trường đầu tư, kinh doanh, thể chế, tháo gỡ các nút thắt nhằm nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo thêm động lực cho phát triển.

- Những vấn đề đã “chín”, đã rõ, được thực tiễn chứng minh là đúng, thực hiện có hiệu quả, được đa số đồng tình thì tiếp tục thực hiện, những vấn đề chưa có quy định hoặc quy định không còn phù hợp với thực tiễn thì mạnh dạn thí điểm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, mở rộng dần, không cầu toàn, không nóng vội.

- Tăng cường sự đoàn kết thống nhất giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo toàn diện của Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, công tác phối hợp phải chặt chẽ, thống nhất và xuyên suốt giữa các cấp, các ngành, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân công đi đôi với kiểm tra, giám sát, cá thể hóa trách nhiệm cá nhân; bảo vệ người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

**2. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thực hiện trong những tháng còn lại năm 2021**

Trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 và những khó khăn, thách thức của kinh tế thế giới và trong nước, việc phấn đấu hoàn thành đạt kết quả cao nhất kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 đề ra là thách thức lớn. Nhiệm vụ trọng tâm của các bộ, ngành, địa phương trong những tháng cuối năm là tiếp tục đề cao trách nhiệm, bám sát tình hình, chủ động, tiếp tục tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021, Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải ngân vốn dầu tư công và xuất khẩu bền vững những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022; Nghị quyết số 68/NQ-CP ban hành ngày 01/7/2021 về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do COVID-19 và các nghị quyết chuyên đề của Chính phủ. Đồng thời, tập trung một số nội dung trọng tâm sau đây:

***(1) Tăng cường các biện pháp phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe, tính mạng người dân là ưu tiên hàng đầu***

- Huy động tổng lực toàn xã hội phục vụ cho công tác phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh, thống nhất thực hiện các chỉ đạo, giải pháp chung của Trung ương và Ban Chỉ đạo quốc gia kết hợp với vận dụng linh hoạt, sáng tạo tùy theo đặc điểm cụ thể của dịch bệnh ở mỗi địa phương, bảo đảm hiệu quả, thông suốt, đồng bộ với nhiệm vụ ổn định sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng.

- Phát huy mạnh mẽ tinh thần chủ động tấn công ở những vùng, địa phương có dịch bệnh diễn biến phức tạp, không để dịch lan rộng; bảo vệ vững chắc những khu vực ít chịu ảnh hưởng, vùng xanh và những thành quả đã đạt được trong 6 tháng đầu năm.

- Thúc đẩy mạnh mẽ kế hoạch vắc-xin, coi vắc-xin là vũ khí chiến lược trong phòng, chống dịch, tổ chức phân phối vắc-xin hợp lý, hiệu quả gắn với mở rộng cơ sở tiêm, đối tượng tiêm ưu tiên, vừa bảo vệ sức khỏe, tính mạng người dân, vừa tạo điều kiện bảo vệ lực lượng lao động phục vụ sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, sản xuất vắc-xin trong nước song song với đa dạng hóa các nguồn vắc-xin nhập khẩu.

- Tập trung mọi nguồn lực đầu tư, nhất là sản xuất trong nước, nâng cao năng lực hệ thống y tế cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc, sinh phẩm và nhân lực; tăng cường ứng dụng nền tảng công nghệ số, nhất là ở những địa bàn bị ảnh hưởng nặng nề, bảo đảm đủ khả năng vận chuyển bệnh nhân Covid, cấp cứu kịp thời, điều trị, chăm sóc bệnh nhân, giảm thiếu tối đa tỷ lệ tử vong do Covid...

***(2) Tiếp tục triển khai các cơ chế, chính sách, giải pháp hỗ trợ người dân, người lao động, doanh nghiệp chống chịu, vượt qua khó khăn, sẵn sàng phục hồi sản xuất, kinh doanh khi có điều kiện, cơ hội***

- Thực hiện hiệu quả, nhanh, kịp thời Nghị quyết 68/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ[[50]](#footnote-50); nghiên cứu, đề xuất phương án tiếp tục hỗ trợ người dân, người lao động ổn định cuộc sống, an tâm ở lại làm việc tại các đô thị lớn, khu công nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp duy trì sản xuất, cầm cự, vượt qua khó khăn.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách tài khóa, tiền tệ chủ động, linh hoạt. Trong đó, khẩn trương hoàn thiện đề xuất giải pháp giãn, hoãn, miễn giảm thuế, phí, nghĩa vụ thanh toán; cho phép các địa phương có điều kiện hỗ trợ lãi suất để tiếp tục hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục rút gọn, bảo đảm thiết thực, khả thi và hiệu quả[[51]](#footnote-51); cơ cấu lại các khoản nợ, giảm lãi suất các khoản vay mới; đơn giản hóa quy trình, thủ tục, hồ sơ nhằm tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn vay[[52]](#footnote-52); xem xét, mở rộng đối tượng vay của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, hạ lãi suất, thúc đẩy hoạt động cho vay của Quỹ thông qua hệ thống ngân hàng[[53]](#footnote-53)...

- Các địa phương khẩn trương hướng dẫn phương án phòng, chống dịch, hỗ trợ chi phí xét nghiệm và các chi phí có liên quan để doanh nghiệp duy trì, ổn định sản xuất; giữ chân và bảo đảm sức khỏe, chăm lo điều kiện ăn, ở, sinh hoạt của người dân, người lao động, nhất là tại các khu công nghiệp tập trung; khẩn trương hoàn thiện kịch bản lưu thông hàng hóa.

- Tiếp tục thực hiện chủ trương Chính phủ đồng hành cùng doanh nghiệp. Trên tinh thần Hội nghị trực tuyến ngày 8/8/2021 Chính phủ với doanh nghiệp và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, các ngành và Tổ công tác đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ nhanh chóng nắm bắt, xử lý các khó khăn, vướng mắc hiện nay để hỗ trợ kịp thời cho doanh nghiệp.

***(3) Các bộ, ngành, địa phương theo dõi sát diễn biến tình hình, phân tích, dự báo, kịp thời tham mưu, đề xuất giải pháp giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, giá cả, thị trường, bảo đảm cung ứng, phân phối, lưu thông hàng hóa và các cân đối lớn của nền kinh tế. Trọng tâm là:***

- Về cân đối ngân sách, tổ chức thực hiện quyết liệt quy định về tiết kiệm, cắt giảm kinh phí chi thường xuyên[[54]](#footnote-54); tăng cường kiểm tra, đôn đốc thu nợ thuế, tiền thuê đất; đẩy mạnh thực hiện hiệu quả quy trình thủ tục thông quan nhanh 24/7.

- Về giá cả, xây dựng phương án điều tiết giá một số mặt hàng nguyên, vật liệu tăng cao[[55]](#footnote-55); tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm hành vi đầu cơ, thao túng giá nguyên vật liệu[[56]](#footnote-56); điều hành Quỹ Bình ổn và chính sách kiểm soát giá xăng dầu phù hợp.

- Về sản xuất, kinh doanh, lưu thông hàng hóa, thiết lập vùng đệm để tập kết hàng hóa, bảo đảm lưu thông, giải tỏa nhanh hàng hóa, công ten nơ các khu vực cảng Cát Lái, Cái Mép-Thị Vải và cảng biển khác, xây dựng “luồng xanh”, “vùng xanh” cho hàng hóa xuất nhập khẩu, nông sản; chủ động điều chỉnh hợp lý kế hoạch sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi, tái đàn, nuôi trồng, khai thác thủy hải sản[[57]](#footnote-57). Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc quy định về điều kiện vận chuyển, kiểm tra, kiểm soát phương tiện vận tải hàng hóa, bảo đảm vận tải thông suốt, nhanh chóng, kịp thời[[58]](#footnote-58). Triển khai rà soát, cắt giảm tối đa chi phí vận chuyển, lưu kho và chi phí logistics khác; đề xuất phương án miễn, giảm phí vận tải đường bộ, phí cảng biển[[59]](#footnote-59). Thực hiện hiệu quả các giải pháp về thúc đẩy xuất nhập khẩu, phát triển thương mại hài hòa, bền vững[[60]](#footnote-60); củng cố thị trường trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu, tận dụng tối đa lợi thế từ các Hiệp định thương mại tự do đã có hiệu lực.

***(4) Tăng cường phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các bộ, ngành, địa phương nhằm khẩn trương tháo gỡ các điểm nghẽn của nền kinh tế, khơi thông nguồn lực cho phát triển***

- Quyết liệt triển khai các giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 63/NQ-CP nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, đồng thời, khẩn trương tổ chức tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn trong tháng 8/2021[[61]](#footnote-61); trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt các Chương trình mục tiêu Quốc gia Nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025[[62]](#footnote-62); tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa quy trình, thủ tục kiểm soát chi nhằm đẩy nhanh thủ tục giải ngân, nhất là đối với nguồn vốn ODA.

- Bám sát tình hình khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp FDI để phối hợp với các bộ, ngành, địa phương kịp thời tháo gỡ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ trong trường hợp vượt quá thẩm quyền; tổ chức hướng dẫn và triển khai các giải pháp về xuất nhập cảnh, đơn giản hóa quy trình, thủ tục, đẩy nhanh cấp Giấy phép lao động, tạo thuận lợi cho các chuyên gia, tư vấn vào làm việc tại Việt Nam[[63]](#footnote-63).

***(5) Về hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính, sắp xếp lại, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước***

- Tăng cường công tác xây dựng Đảng, tập trung xây dựng, hoàn thiện Quy chế làm việc của Chính phủ, ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan theo quy định; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực.

- Khẩn trương rà soát, nghiên cứu đề xuất sửa đổi các quy định, pháp luật hiện không còn phù hợp, gây vướng mắc, cản trở trong huy động nguồn lực xã hội, hoạt động sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế, theo tinh thần vướng ở cấp nào thì sửa ở cấp đó, tư duy cải cách, đổi mới và kiến tạo phát triển.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm soát chặt chẽ tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh; đẩy mạnh kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời phát hiện, xử lý quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, không phù hợp với thực tiễn[[64]](#footnote-64).

- Ban hành Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp gắn với giải pháp hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN năm 2021 từ Quỹ hỗ trợ sản xuất và phát triển doanh nghiệp (40.000 tỷ đồng), trong đó chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước tiếp tục thực hiện kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn theo phương án đã được phê duyệt, trong đó tập trung hoàn thành việc IPO, thoái vốn tại một số doanh nghiệp lớn.

***(6) Về bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, phát triển văn hóa, giáo dục***

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi người có công theo Nghị định số 75/2021/NĐ-CP, trợ giúp xã hội, giảm nghèo, chăm sóc và trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, cứu trợ đột xuất, bảo đảm “không để dân thiếu ăn thiếu mặc, không bỏ sót người dân gặp khó khăn”, nhất là trong bối cảnh đời sống nhân dân chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh[[65]](#footnote-65). Huy động sự tham gia của toàn xã hội trong công tác bảo đảm an sinh xã hội, phát huy, lan tỏa tinh thần tương thân, tương ái, hỗ trợ lẫn nhau, cùng nhau vượt qua khó khăn, thách thức, sớm ổn định cuộc sống.

- Có chính sách hỗ trợ đảm bảo đời sống an sinh của lao động ngoại tỉnh, lao động tự do để người lao động vượt qua khó khăn trong đại dịch cũng như sẵn sàng chuẩn bị nhân lực để phục hồi sản xuất kinh doanh. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động, tích cực trong công tác tuyển sinh và tổ chức đào tạo nghề; gắn kết chặt chẽ đào tạo nghề với nhu cầu của doanh nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các địa phương và nhu cầu thị trường lao động. Đẩy mạnh thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo thường xuyên, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19.

- Tổ chức hướng dẫn các địa phương, các cơ sở giáo dục chuẩn bị tốt cho năm học mới; có các phương án, kịch bản tổ chức học tập tùy theo tình hình dịch bệnh và khả năng đáp ứng của cơ sở vật chất, nguồn nhân lực; xây dựng giáo án, giáo trình riêng trong trường hợp phải áp dụng hình thức học trực tuyến[[66]](#footnote-66).

***(7) Về bảo đảm quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh hội nhập quốc tế***

- Phát triển kinh tế, xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh. Trong mọi hoàn cảnh phải kiên trì, kiên quyết đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

- Chủ động theo dõi, nắm chắc tình hình, triển khai các phương án, kế hoạch ứng phó với các tình huống phát sinh về an ninh trật tự, nhất là tại khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, nơi tập trung đông công nhân. Tăng cường đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, hành vi vi phạm pháp luật, nhất là tội phạm hình sự, tội phạm chống người thi hành công vụ, tội phạm lợi dụng dịch bệnh Covid-19 để phạm tội. Triển khai lực lượng kiểm soát bảo đảm trật tự an toàn giao thông, hướng dẫn phân luồng giao thông bảo đảm vận chuyển, lưu thông hàng hóa phục hồi phát triển kinh tế. Chủ động lực lượng, phương tiện sẵn sàng cứu nạn, cứu hộ, hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả trong mùa mưa, bão.

- Đẩy mạnh hội nhập quốc tế, tiếp tục quan tâm hỗ trợ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, triển khai hiệu quả công tác bảo hộ công dân. Tăng cường hợp tác quốc tế ứng phó đại dịch Covid-19. Khẩn trương phê duyệt và thực hiện hiệu quả Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP). Thực hiện tốt công tác thông tin đối ngoại, nâng cao uy tín, vị thế của đất nước trên trường quốc tế.

***(8) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền*,** dễ nghe, dễ nhớ, dễ làm để người dân không hoang mang, lo sợ những cũng không được chủ quan, lơ là, cùng chia sẻ với chính quyền, tạo đồng thuận xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, giá trị văn hoá con người Việt Nam. Tăng cường kỷ luật phát ngôn, kỷ cương hoạt động báo chí, kịp thời phản bác, đấu tranh với các quan điểm xuyên tạc. Quản lý chặt chẽ không gian mạng, tăng cường xử lý tin giả, sai sự thật về phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và hiệu quả của vắc-xin.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2021, một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội những tháng còn lại năm 2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - TTgCP và các Phó TTg;  - Văn phòng Chính phủ;  - Lãnh đạo Bộ;  - Các đơn vị thuộc Bộ (bản điện tử);  - Lưu: VT, Vụ TH (3b). | **BỘ TRƯỞNG**  **(Đã ký)**  **Nguyễn Chí Dũng** |

**PHỤ LỤC**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THÁNG 7 VÀ 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

| **Chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **Tháng 7 năm 2021** | **Lũy kế 7 tháng năm 2021** | **Tháng 7/2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)** | **Lũy kế 7 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP** |  |  |  |  |  |
| **Gieo cấy lúa mùa** | **Nghìn ha** |  | **1.099,6** |  | **99,4** |
| **Gieo cấy lúa Hè Thu ở miền Nam** | **Nghìn ha** |  | **1.771,7** |  | **100,5** |
| **Gieo trồng các loại cây khác** |  |  |  |  |  |
| Ngô | Nghìn ha |  | 738,0 |  | 101,8 |
| Khoai lang | Nghìn ha |  | 74,8 |  | 92,5 |
| Lạc | Nghìn ha |  | 147,5 |  | 95,5 |
| Đậu tương | Nghìn ha |  | 23,5 |  | 89,7 |
| Rau, đậu | Nghìn ha |  | 863,7 |  | 101,3 |
| **2. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP** |  |  |  |  |  |
| **Chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành** | **%** |  |  | 102,2 | 107,9 |
| Công nghiệp khai khoáng | % |  |  | 92,0 | 93,7 |
| Công nghiệp chế biến, chế tạo | % |  |  | 102,9 | 109,9 |
| Sản xuất và phân phối điện | % |  |  | 106,7 | 108,2 |
| Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải | % |  |  | 104,4 | 105,6 |
| **Một số sản phẩm chủ yếu** |  |  |  |  |  |
| Than đá (than sạch) | Nghìn tấn | 4.303,8 | 29.760,7 | 101,8 | 97,2 |
| Dầu mỏ thô khai thác | Nghìn tấn | 780,0 | 5.360,0 | 97,6 | 93,2 |
| Khí đốt thiên nhiên dạng khí | Triệu m3 | 700,0 | 4.900,0 | 83,1 | 86,6 |
| Khí hoá lỏng (LPG) | Nghìn tấn | 74,6 | 522,2 | 102,6 | 104,8 |
| Thuỷ hải sản chế biến | Nghìn tấn | 248,5 | 1.672,0 | 95,7 | 102,6 |
| Thức ăn cho gia súc | Nghìn tấn | 1.076,3 | 7.143,1 | 108,1 | 110,0 |
| Thức ăn cho thủy sản | Nghìn tấn | 532,9 | 3.519,3 | 95,0 | 102,0 |
| Vải dệt từ sợi tự nhiên | Triệu m2 | 68,0 | 399,7 | 110,9 | 110,6 |
| Vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo | Triệu m2 | 109,5 | 711,8 | 105,9 | 110,6 |
| Quần áo mặc thường | Triệu cái | 418,6 | 2.713,2 | 106,6 | 109,5 |
| Giày, dép da | Triệu đôi | 31,7 | 191,5 | 120,5 | 119,3 |
| Phân U rê | Nghìn tấn | 214,4 | 1.368,7 | 103,5 | 92,6 |
| Phân hỗn hợp N.P.K | Nghìn tấn | 263,8 | 1.844,6 | 111,2 | 115,4 |
| Xi măng | Triệu Tấn | 8,8 | 59,8 | 106,1 | 107,8 |
| Sắt, thép thô | Nghìn tấn | 2.230,4 | 15.081,6 | 112,9 | 116,2 |
| Thép cán | Nghìn tấn | 777,7 | 5.424,1 | 138,5 | 155,9 |
| Thép thanh, thép góc | Nghìn tấn | 815,0 | 5.768,6 | 108,9 | 103,4 |
| Điện thoại di động | Triệu cái | 19,6 | 128,3 | 107,5 | 114,1 |
| Tivi | Nghìn cái | 955,0 | 8.137,4 | 47,4 | 89,7 |
| Ô tô | Nghìn chiếc | 26,2 | 185,3 | 103,7 | 139,6 |
| Xe máy | Nghìn chiếc | 256,2 | 1.798,3 | 95,0 | 108,3 |
| Điện sản xuất | Tỷ Kwh | 23,7 | 146,3 | 106,6 | 108,3 |
| **3. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, VÀNG VÀ TỶ GIÁ NGOẠI TỆ** |  |  |  |  |  |
| **Chỉ số giá tiêu dùng** | **%** |  |  | 102,64 | 101,64 |
| Hàng ăn và dịch vụ ăn uống | % |  |  | 100,52 | 100,81 |
| *Trong đó: Lương thực* | % |  |  | 105,00 | 105,45 |
| *Thực phẩm* | % |  |  | 99,23 | 99,56 |
| *Ăn uống ngoài gia đình* | % |  |  | 101,87 | 102,01 |
| Đồ uống và thuốc lá | % |  |  | 101,75 | 101,59 |
| May mặc, giày dép và mũ nón | % |  |  | 100,88 | 100,85 |
| Nhà ở và vật liệu xây dựng | % |  |  | 104,44 | 101,65 |
| Thiết bị và đồ dùng gia đình | % |  |  | 100,57 | 100,54 |
| Thuốc và dịch vụ y tế | % |  |  | 100,16 | 100,21 |
| *Trong đó: dịch vụ y tế* |  |  |  | 100,02 | 100,06 |
| Giao thông | % |  |  | 113,82 | 106,76 |
| Bưu chính viễn thông | % |  |  | 99,15 | 99,29 |
| Giáo dục | % |  |  | 104,12 | 104,09 |
| *Trong đó: dịch vụ giáo dục* |  |  |  | 104,44 | 104,46 |
| Văn hóa, giải trí và du lịch | % |  |  | 98,91 | 98,82 |
| Hàng hóa và dịch vụ khác | % |  |  | 101,44 | 101,64 |
| **Chỉ số giá vàng** | **%** |  |  | 107,07 | 116,43 |
| **Chỉ số giá đô la Mỹ** | **%** |  |  | 99,45 | 99,19 |
| **4. THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC** |  |  |  |  |  |
| **Tổng thu cân đối NSNN** | **Nghìn tỷ đồng** | **127,6** | **913** |  | **115,7** |
| *Trong đó:* |  |  |  |  |  |
| - Thu nội địa (không kể dầu thô) | Nghìn tỷ đồng | 103 | 745,75 |  | 113,1 |
| - Thu từ dầu thô | Nghìn tỷ đồng | 3,3 | 22,2 |  |  |
| - Thu cân đối ngân sách từ hoạt động XNK | Nghìn tỷ đồng | 21,3 | 144,4 |  | 136,6 |
| **Tổng chi cân đối NSNN** | **Nghìn tỷ đồng** | **111,91** | **810,56** | **48** | **94,5** |
| *Trong đó:* |  |  |  |  |  |
| - Chi đầu tư phát triển | Nghìn tỷ đồng | 31,208 | 169,335 | 35,5 | 87,2 |
| - Chi thường xuyên (không bao gồm chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế) | Nghìn tỷ đồng | 71,160 | 572,24 | 55,2 | 97 |
| **5. ĐẦU TƯ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI** |  |  |  |  |  |
| **Vốn đầu tư thực hiện** | **Tỷ USD** |  | **10,5** |  | **103,8** |
| **Vốn đăng ký** | **Tỷ USD** |  | **16,723** |  | **88,9** |
| Vốn đăng ký cấp mới | Tỷ USD |  | 10,128 |  | 107 |
| *Số dự án cấp mới* | *Dự án* |  | 1006 |  | 62,1 |
| Vốn đăng ký tăng thêm | Tỷ USD |  | 4,543 |  | 96,3 |
| *Số lượt dự án tăng vốn* | *Lượt dự án* |  | 561 |  | 90,6 |
| Góp vốn mua cổ phần | Tỷ USD |  | 2,051 |  | 44,2 |
| **6. XUẤT NHẬP KHẨU** |  |  |  |  |  |
| **Tổng trị giá xuất khẩu** | **Triệu USD** | **27.000** | **185.335** | **108,4** | **125,5** |
| **Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu:** |  |  |  |  |  |
| Thủy sản | Triệu USD | 800 | 4.921 | 101,1 | 112,0 |
| Rau quả | Triệu USD | 250 | 2.277 | 112,2 | 115,0 |
| Hạt điều | Triệu USD | 324 | 1.971 | 133,5 | 114,0 |
| Cà phê | Triệu USD | 207 | 1.754 | 105,8 | 98,3 |
| Chè | Triệu USD | 18 | 113 | 80,4 | 99,7 |
| Hạt tiêu | Triệu USD | 103 | 599 | 228,7 | 149,8 |
| Gạo | Triệu USD | 289 | 1.937 | 124,8 | 99,4 |
| Sắn và sản phẩm của sắn | Triệu USD | 65 | 677 | 87,3 | 124,1 |
| Dầu thô | Triệu USD | 60 | 815 | 63,3 | 89,1 |
| Xăng dầu | Triệu USD | 66 | 695 | 140,7 | 109,7 |
| Hóa chất | Triệu USD | 200 | 1.266 | 142,0 | 130,9 |
| Sản phẩm hóa chất | Triệu USD | 150 | 1.061 | 118,2 | 134,1 |
| Sản phẩm từ chất dẻo | Triệu USD | 380 | 2.706 | 121,2 | 138,3 |
| Cao su | Triệu USD | 330 | 1.534 | 134,8 | 173,6 |
| Túi xách, ví, va li, mũ, ô dù | Triệu USD | 320 | 2.008 | 109,6 | 108,6 |
| Gỗ và sản phẩm gỗ | Triệu USD | 1.300 | 9.506 | 114,2 | 153,7 |
| Dệt, may | Triệu USD | 3.300 | 18.611 | 107,7 | 114,1 |
| Giày dép | Triệu USD | 1.750 | 12.133 | 128,0 | 127,7 |
| Sắt thép | Triệu USD | 995 | 5.520 | 222,7 | 218,1 |
| Điện tử, máy tính và linh kiện | Triệu USD | 3.500 | 27.369 | 86,1 | 116,5 |
| Điện thoại các loại và linh kiện | Triệu USD | 4.300 | 29.354 | 100,4 | 111,9 |
| Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện | Triệu USD | 300 | 2.119 | 127,7 | 165,4 |
| Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác | Triệu USD | 2.650 | 19.747 | 115,8 | 155,4 |
| Dây điện và cáp điện | Triệu USD | 190 | 1587 | 101,2 | 125,3 |
| Phương tiện vận tải và phụ tùng | Triệu USD | 1.050 | 6.509 | 168,9 | 148,5 |
| **Tổng trị giá nhập khẩu** | **Triệu USD** | **28.700** | **188.028** | **129,9** | **135,3** |
| **Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu:** |  |  |  |  |  |
| Thủy sản | Triệu USD | 160 | 1183 | 107,4 | 119,0 |
| Sữa và sản phẩm sữa | Triệu USD | 110 | 746 | 109,8 | 111,7 |
| Rau quả | Triệu USD | 130 | 821 | 101,6 | 114,6 |
| Thức ăn gia súc và NPL | Triệu USD | 380 | 2.840 | 119,8 | 132,8 |
| Xăng dầu | Triệu USD | 373 | 2.522 | 86,9 | 117,1 |
| Hóa chất | Triệu USD | 650 | 4.439 | 165,5 | 161,0 |
| Sản phẩm hoá chất | Triệu USD | 600 | 4.117 | 129,0 | 133,5 |
| Tân dược | Triệu USD | 240 | 1.716 | 81,5 | 91,8 |
| Phân bón | Triệu USD | 167 | 812 | 210,0 | 138,2 |
| Chất dẻo | Triệu USD | 1.045 | 7.081 | 156,0 | 154,3 |
| Sản phẩm chất dẻo | Triệu USD | 650 | 4.579 | 105,0 | 118,4 |
| Cao su | Triệu USD | 248 | 1.533 | 235,6 | 240,5 |
| Gỗ và sản phẩm gỗ | Triệu USD | 300 | 1.843 | 143,3 | 141,2 |
| Giấy các loại | Triệu USD | 184 | 1.308 | 135,8 | 138,9 |
| Bông | Triệu USD | 251 | 1.835 | 140,2 | 127,3 |
| Sợi dệt | Triệu USD | 230 | 1.554 | 151,7 | 139,3 |
| Vải | Triệu USD | 1.400 | 8.685 | 137,7 | 132,9 |
| Nguyên PL dệt, may, giày dép | Triệu USD | 580 | 3.915 | 141,0 | 133,8 |
| Sắt thép | Triệu USD | 972 | 6.759 | 129,7 | 141,7 |
| Kim loại thường khác | Triệu USD | 778 | 5.214 | 161,9 | 159,1 |
| Điện tử, máy tính và linh kiện | Triệu USD | 5.800 | 39.362 | 103,6 | 120,3 |
| Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng | Triệu USD | 4.200 | 27.112 | 133,7 | 136,8 |
| Ô tô | Triệu USD | 792 | 5.256 | 173,5 | 176,7 |
| *Trong đó: Nguyên chiếc* | *triệu USD* | 332 | 2.171 | 304,1 | 211,4 |
| **Chênh lệch xuất nhập khẩu (xuất-nhập)** | **Triệu USD** | **-1.700** | **-2.693** |  |  |
| **7. TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ** | **Nghìn tỷ đồng** | **339,362** | **2.791,315** | 80,2 | 100,7 |
| *Phân theo ngành hoạt động* |  |  |  |  |  |
| Bán lẻ hàng hóa | Nghìn tỷ đồng | 291,774 | 2.269,695 | 88,6 | 103,2 |
| Dịch vụ lưu trú ăn uống | Nghìn tỷ đồng | 21,186 | 243,597 | 46,2 | 88,2 |
| Du lịch lữ hành | Nghìn tỷ đồng | 0,133 | 4,545 | 7,4 | 41,2 |
| Dịch vụ khác | Nghìn tỷ đồng | 26,269 | 273,478 | 57,0 | 95,8 |
| **8. VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ HÀNG HÓA** |  |  |  |  |  |
| **Vận tải hành khách** |  |  |  |  |  |
| Khối lượng vận chuyển | Triệu HK | 146,256 | 1.917,81 | 49,6 | 90,4 |
| Khối lượng luân chuyển | Tỷ HK.km | 5,645 | 80,625 | 39,8 | 82,5 |
| **Vận tải hàng hóa** |  |  |  |  |  |
| Khối lượng vận chuyển | Triệu tấn | 111,518 | 987,368 | 75,7 | 103,1 |
| Khối lượng luân chuyển | Tỷ tấn.km | 24,05 | 196,39 | 86,8 | 104,7 |

1. Tốc độ tăng CPI bình quân 7 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước các năm 2016-2021 lần lượt là: tăng 1,82%; tăng 3,91%; tăng 3,45%; tăng 2,61%; tăng 4,07%; tăng 1,64%. [↑](#footnote-ref-1)
2. Trong đó số tiền lãi đã miễn giảm thực tế là 14.121 tỷ đồng, số tiền lãi sẽ miễn, giảm theo cam kết là 4.738 tỷ đồng [↑](#footnote-ref-2)
3. Đến cuối tháng 7/2021, NHNN đã giải ngân cho NHCSXH theo Thông tư này tổng số tiền là 99,78 tỷ đồng. NHCSXH đã cho vay trên địa bàn 10 tỉnh, thành phố với số tiền 99,78 tỷ đồng đối với 116 người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc và trả lương phục hồi sản xuất theo Nghị quyết 68, Quyết định 23. [↑](#footnote-ref-3)
4. Trong đó có 0,8 nghìn tỷ đồng chi hỗ trợ người lao động theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021. [↑](#footnote-ref-4)
5. Gồm: Hội Nhà báo Việt Nam, Ủy ban dân tộc, Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật VN, Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Ngân hàng Phát triển Việt Nam. [↑](#footnote-ref-5)
6. Gồm: Bộ Thông tin và Truyền Thông, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam. [↑](#footnote-ref-6)
7. Nếu tính cả số vốn NSĐP giao vượt so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (41.141,517 tỷ đồng) thì số vốn NSNN phân bổ chi tiết cho dự án là 439.757,983 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-7)
8. Trong 7 tháng năm 2021 số lượng dự án quy mô nhỏ dưới 50 triệu USD giảm 38,8*%*, trong khi số lượng các dự án quy mô lớn (*trên 50 triệu USD*) vẫn tăng 27,2% so với cùng kỳ 2020. [↑](#footnote-ref-8)
9. Vốn đầu tư điều chỉnh tăng mạnh do có dự án của Vingroup tại Hoa Kỳ điều chỉnh tăng 300 triệu USD; dự án Công ty TNHH Đầu tư và phát triển cao su Đông Dương tại Campuchia tăng 76 triệu USD và 01 dự án của Vinfast tại Đức tăng 32 triệu USD. [↑](#footnote-ref-9)
10. Các địa phương: Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Khánh Hòa, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau. [↑](#footnote-ref-10)
11. Các địa phương: Bắc Ninh, Thái Bình, Ninh Bình, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Long An. [↑](#footnote-ref-11)
12. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tính từ 16/6/2021 đến 15/7/2021. [↑](#footnote-ref-12)
13. Giá cá tra nguyên liệu cỡ 900 gram/con ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long tính đến trung tuần tháng Bảy dao động ở mức giá 21.500-22.000 đồng/kg. Nguồn: [*http://agromonitor.vn/group/48/280/giam-sat-gia*](http://agromonitor.vn/group/48/280/giam-sat-gia)*.* [↑](#footnote-ref-13)
14. Giá tôm nguyên liệu tính tới trung tuần tháng Bảy ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long giảm từ 3.000-4.000 đồng/kg ở tất cả các mặt hàng so với những tháng đầu năm 2021. Giá tôm thẻ chân trắng cỡ 100 con/kg dao động 82.000-90.000 đồng/kg, cỡ 80 con/kg có giá từ 94.000-98.000 đồng/kg; giá tôm sú cỡ 20 con/kg có giá từ 215.000-225.000 đồng/kg. Nguồn: [*http://agromonitor.vn/group/47/272/giam-sat-gia*](http://agromonitor.vn/group/47/272/giam-sat-gia)*.* [↑](#footnote-ref-14)
15. Chỉ số sản xuất công nghiệp các tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 là: Tháng Một tăng 23,7%; tháng Hai giảm 8,3% (do Tết Nguyên đán Tân Sửu tập trung vào tháng Hai); tháng Ba tăng 3,6%; tháng Tư tăng 22,2%; tháng Năm tăng 11,9%; tháng Sáu tăng 4,9%; tháng Bảy tăng 2,2%. [↑](#footnote-ref-15)
16. IIP tháng 7/2020 so với cùng kỳ năm 2020 của một số địa phương tăng thấp hoặc giảm: TP. Hồ Chí Minh giảm 3,8%; Tiền Giang giảm 1,4%; Cần Thơ giảm 4,8%; Vĩnh Long giảm 8,8%; Đồng Tháp tăng 4,3%; An Giang tăng 5,5%; Hậu Giang tăng 8,3%; Sóc Trăng tăng 7,2%; Bạc Liêu tăng 7,6%; Kiên Giang tăng 8,6%. [↑](#footnote-ref-16)
17. IIP 7 tháng năm 2020 so với cùng kỳ năm 2020 của một số địa phương tăng thấp hoặc giảm: Bình Dương tăng 6,1%; Đồng Nai tăng 5,3%; Long An tăng 3,4%; Đồng Tháp tăng 2,3%; Tiền Giang tăng 0,7%; Cần Thơ giảm 1,1%; TP. Hồ Chí Minh giảm 5,5%. [↑](#footnote-ref-17)
18. Một số địa phương có năng lực mới tăng được hoàn thành tháng 12/2020 và bổ sung trong 7 tháng năm nay là: Bình Dương bổ sung KCN Bàu Bàng; KCN Mỹ Phước 1,2,3; KCN Thới Hòa; nhà máy sản xuất vải lưới – Công ty TNHH Paihong Việt Nam; Nhà máy chế biến gỗ gia dụng – Công ty TNHH chế biến gỗ Mộc Xuyên…; ở Đồng Nai có Nhà máy sản xuất bột ngọt VeDan, xưởng sản xuất giày Changshin, Công ty Kim Sơn Bảo xây dựng thêm nhà máy mới, Xưởng luyện keo và kho nguyên liệu công ty cao su Kenda Việt Nam, Dây chuyền sản xuất công ty Tôn Phương Nam; ở Vĩnh Long có nhà máy sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm thủy sản Hải Đại Vĩnh Long (hoàn thành tháng 10/2020), nhà máy sản xuất linh kiện ô tô Kyungshin Việt Nam; ở Cần Thơ có khu công nghiệp Hưng Phú 1. [↑](#footnote-ref-18)
19. Ước tính tháng Sáu nhập siêu 1 tỷ USD. [↑](#footnote-ref-19)
20. Trong đó, 7 tháng năm 2021 xuất siêu sang EU đạt 12,8 tỷ USD, tăng 12,6% so với cùng kỳ năm trước; nhập siêu từ Trung Quốc 33,6 tỷ USD, tăng 78,3%; nhập siêu từ Hàn Quốc 17,7 tỷ USD, tăng 27,4%; nhập siêu từ ASEAN 8,6 tỷ USD, tăng 123%. [↑](#footnote-ref-20)
21. Giá container đi thị trường Trung Đông tăng từ 2000 USD/container lên 10.000 USD/container [↑](#footnote-ref-21)
22. Phản ánh của Công ty may Hồ Gươm xuất khẩu là tía tô đi Nhật. [↑](#footnote-ref-22)
23. Trong 5 tháng đầu năm, tổng số người được tư vấn, giới thiệu việc làm: 713.827 lượt người, tỷ lệ này tăng 72,3% so với cùng kỳ năm 2020 (161,8%). [↑](#footnote-ref-23)
24. Tính đến hết tháng 07 năm 2021 cả nước có 100.903 lao động nước ngoài đang làm việc, trong đó: Số lao động không thuộc diện cấp giấy phép lao động là 6.675 người (chiếm 6,61% trên tổng số người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam); số lao động nước ngoài thuộc diện cấp giấy phép lao động là 94.228 (chiếm 93,39%), trong đó đã cấp mới giấy phép lao động cho 55.300 người và cấp lại cho 35.812 người; số còn lại 3.116 người là số người đang hoàn thiện các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động. [↑](#footnote-ref-24)
25. Quyết định số 732/QD-TTg ngày 29/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”; Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025”; Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030 [↑](#footnote-ref-25)
26. Công văn số 1108/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 22/3/2021 [↑](#footnote-ref-26)
27. Trong đó: 51.229 trẻ em mồ côi, mất nguồn nuôi dưỡng; 1.812.372 người cao tuổi; 1.096.027 người khuyết tật đang hưởng trợ cấp và 189.598 đối tượng khác. [↑](#footnote-ref-27)
28. 95% người cao tuổi có thẻ BHYT; trợ cấp xã hội hàng tháng cho hơn 1,8 triệu người cao tuổi; chúc thọ, mừng thọ cho hơn 1,068 triệu người cao tuổi; cả nước có trên 106 bệnh viện cấp trung ương và cấp tỉnh có khoa Lão khoa; gần 1.000 khoa khám bệnh có buồng khám riêng hoặc bố trí bàn khám riêng cho người cao tuổi; hơn 10.183 giường điều trị nội trú ưu tiên cho người cao tuổi, hơn 1,57 triệu người cao tuổi được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe. [↑](#footnote-ref-28)
29. Theo báo cáo của 63 tỉnh, thành phố, đến nay đã triển khai xác định mức độ khuyết tật và cấp giấy chứng nhận khuyết tật cho khoảng 1.411.332 người khuyết tật; số người khuyết tật được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng là 1.096.027 người, ngoài ra người khuyết tật còn được hỗ trợ về y tế, giáo dục, dạy nghề. [↑](#footnote-ref-29)
30. Theo báo cáo nhanh từ Bộ Công an ngày 23/7/2021. [↑](#footnote-ref-30)
31. Học viện Quân y tăng cường 64 đồng chí cho CDC TP.HCM triển khai 05 máy xét nghiệm, khả năng xét nghiệm được 1.200 - 1.500 mẫu đơn/ngày; Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga tăng cường 25 đồng chí, triển khai 02 máy xét nghiệm triển khai 01 phòng xét nghiệm dã chiến, 01 xe xét nghiệm, khả năng xét nghiệm được 1.200 mẫu đơn/ngày; Trường Cao đẳng Hậu cần 2 tăng cường 50 đồng chí tham gia lấy mẫu cho CDC TP.HCM; khả năng lấy mẫu được 1.000 mẫu đơn/ngày; Bệnh viện Quân y 175 tăng cường 48 đồng chí lấy mẫu, xét nghiệm cho CDC TP.HCM, triển khai 01 máy xét nghiệm, khả năng lấy 500 mẫu và xét nghiệm được 700 mẫu đơn/ngày; Viện Y học dự phòng Quân đội phía Nam tăng cường 12 đ/c triển khai 02 máy xét nghiệm; khả năng xét nghiệm được 700 mẫu đơn/ngày; Viện Y học dự phòng Quân đội tăng cường Tổ xét nghiệm SARS-CoV-2 cùng xe xét nghiệm và trang thiết bị đồng bộ (khả năng xét nghiệm 500 mẫu đơn/ngày) cho tỉnh Bình Dương; Bệnh viện quân y 7A tăng cường 10 bác sỹ, 30 điều dưỡng tham gia bệnh viện điều trị Covid-19 xây dựng từ Trung tâm Y tế Quận 9. [↑](#footnote-ref-31)
32. Liên minh COVAX quyết định cung cấp cho Việt Nam 09 triệu liều vắc-xin. [↑](#footnote-ref-32)
33. Chỉ trong thời gian ngắn, đất nước đã huy động được khoảng 18 triệu liều vắc xin để tiêm phòng cho toàn dân, đặt ra mục tiêu đến tháng 4/2022 sẽ tiêm phòng khoảng 150 triệu liều cho khoảng 75% dân số. [↑](#footnote-ref-33)
34. Chỉ số sản xuất công nghiệp [↑](#footnote-ref-34)
35. Chỉ số quản trị nhà mua hàng [↑](#footnote-ref-35)
36. Trong tháng 6, chỉ số IIP của Mỹ tăng mạnh lên 9,8%, chỉ số PMI của Mỹ trong tháng 5 đạt 62,1 điểm – đạt mức kỷ lục trong vòng 20 năm trở lại đây. [↑](#footnote-ref-36)
37. Lạm phát trong tháng 6/2021 của Mỹ đã tăng tới 5,4% [↑](#footnote-ref-37)
38. https://www.fdiintelligence.com/article/80012 [↑](#footnote-ref-38)
39. Báo cáo đầu tư toàn cầu năm 2020 [↑](#footnote-ref-39)
40. Giá dầu đã tăng khoảng 40% và trở lại mức trước đại dịch. Giá năng lượng (dầu thô, than đá và khí đốt tự nhiên) tăng 7,1% trong tháng 5/2021. Trong đó, giá dầu thô Brent tăng mạnh, đạt mức 73.09 USD/ thùng vào đầu tháng 6/2021, tăng 28% so với đầu tháng 1/2021. Giá than chạm mức cao nhất 119 USD/tấn, tăng 44,8% so với đầu năm. Đây là mức tăng cao nhất kể từ tháng 10/2011, nguyên nhân được chủ yếu là do nhu cầu tăng cao và nguồn cung hạn chế. Giá hàng hoá khác (phi năng lượng) tháng 5/2021 tăng 6,8% so với tháng trước, trong đó, kim loại cơ bản tăng 7,5% và hàng hóa nông nghiệp tăng 5,7%. Giá lương thực, thực phẩm tăng 4,8% so với tháng 4 và 39,7% so với cùng kỳ năm ngoái. các mặt hàng như dầu, đường, ngũ cốc... cũng tăng giá mạnh trong tháng 5 . Tính chung 5 tháng đầu năm 2021, giá hàng hóa phi năng lượng tăng 35% so với cùng kỳ năm 2020. Đến giữa tháng 6, giá thép đã có xu hướng giảm nhẹ nhưng trước đó trong tháng 5 giá thép đã tăng lên mức cao nhất do được thúc đẩy bởi nhu cầu mạnh mẽ từ các công ty trong và ngoài nước cũng như hoạt động thu mua đầu cơ khi giá tăng. [↑](#footnote-ref-40)
41. Đạt 6729,9 USD/Container (ngày 10/6/2021). [↑](#footnote-ref-41)
42. Nguồn: http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/quoc-te/2021-05-14/no-chinh-quyen-dia-phuong-cua-trung-quoc-tang-cao-103972.aspx [↑](#footnote-ref-42)
43. Tương đương với quý IV/2020 [↑](#footnote-ref-43)
44. Nguồn: http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/quoc-te/2021-01-14/tham-hut-ngan-sach-cua-my-tang-cao-ky-luc-trong-quy-dau-cua-tai-khoa-2021-98311.aspx [↑](#footnote-ref-44)
45. Theo đánh giá của một số tổ chức quốc tế, những thay đổi về thuế của gói kích thích “American Families Plan” sẽ dẫn đến việc suy giảm 0,4% Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trong dài hạn. Tổng sản phẩm quốc dân (GNP) sẽ giảm 0,6%, mất khoảng 64 nghìn công việc và tiền lương sẽ hạ thêm 0,4%. Đối với gói “American Jobs Plan”, tác động tiêu cực của sự gia tăng thuế suất doanh nghiệp sẽ gây ra thiệt hại về GDP lũy kế ước tính gần 720 tỷ USD trong thời gian 10 năm. [↑](#footnote-ref-45)
46. Nợ công Nhật Bản tính đến tháng 3/2021 đã tăng lên 112.550 tỷ Yen so với 32.560 tỷ Yen theo dự toán [↑](#footnote-ref-46)
47. Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) hạ dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2021 từ mức 6,7% xuống còn 5,8%; Ngân hàng Standard Chartered hạ từ mức dự báo 6,7% xuống còn 6,5%. [↑](#footnote-ref-47)
48. Theo thống kê của Ngân hàng Thế giới, từ đầu năm đến hết tháng 4/2021, giá năng lượng (dầu thô và than đá) toàn cầu tăng 30% so với đầu năm, giá hàng hóa khác (phi năng lượng) tăng 16%, trong đó giá lương thực tăng 16%, giá phân bón tăng 24% và giá kim loại, khoáng chất tăng 25%... Chỉ số S&P GSCI, một thước đo giá của 24 nguyên vật liệu thô, đã tăng 24% từ đầu năm. [↑](#footnote-ref-48)
49. Quốc hội đã thông qua 29 Nghị quyết, trong đó có 17 Nghị quyết về tổ chức bộ máy và nhân sự; 11 Nghị quyết chuyên đề (trong đó có các nghị quyết quan trọng về các kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025: phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn; phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2019; hai chương trình mục tiêu quốc gia) và Nghị quyết kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XV, trong đó thông qua cơ chế giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thẩm quyền áp dụng nhiều giải pháp mạnh mẽ, chưa có tiền lệ để phòng, chống dịch bệnh Covid-19. [↑](#footnote-ref-49)
50. Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 về thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. [↑](#footnote-ref-50)
51. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ. [↑](#footnote-ref-51)
52. Ngân hàng Nhà nước tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng. [↑](#footnote-ref-52)
53. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện hồ sơ sửa đổi, bổ sung một số quy định của Nghị định số 39/2019/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-53)
54. Bộ Tài chính chủ trì, theo tinh thần của Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021. [↑](#footnote-ref-54)
55. Như thép, phân bón, thức ăn chăn nuôi… [↑](#footnote-ref-55)
56. Bộ Công Thương và các cơ quan có liên quan. [↑](#footnote-ref-56)
57. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp các địa phương . [↑](#footnote-ref-57)
58. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, các địa phương và các doanh nghiệp vận tải lớn. [↑](#footnote-ref-58)
59. Các Bộ Công Thương, Giao thông vận tải, Tài chính thực hiện. [↑](#footnote-ref-59)
60. Theo Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ. [↑](#footnote-ref-60)
61. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì. [↑](#footnote-ref-61)
62. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì. [↑](#footnote-ref-62)
63. Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ có liên quan. [↑](#footnote-ref-63)
64. Bộ Tư pháp chủ trì. [↑](#footnote-ref-64)
65. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì. [↑](#footnote-ref-65)
66. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì. [↑](#footnote-ref-66)